ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**Câu I.** Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Trả lời:

- Trình bày những vấn đề sau:

1. Thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường các mạng vô sản. Khái quát được quá trình Nguyễn Ái Quốc tìm tòi, khảo nghiệm từ 1911-1920 (*Trang 6-7*).

2. Thứ hai, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị tư tưởng, chính trị, tổ chức cho việc thành lập Đảng. Được thể hiện thông qua một số tác phẩm tiêu biểu như Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường Kách Mệnh, các bài báo, bài viết đăng trên các tạp chí các báo lúc bấy giờ, v.v. Thành lập ra hội Việt Nam cách mạng thanh niên, trực tiếp đào tạo rèn luyện cán bộ làm lòng cốt cho việc thành lập Đảng. (*Trang 7-9*).

3. Thứ ba, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp hợp nhất 3 tổ chức cộng sản để sáng lập Đảng Cộng Sản Việt Nam. Người đã triệu tập một hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng Sản Đảng, An Nam Cộng Sản Đảng và Đông Dương Cộng Sản liên đoàn ở Hương Cảng Trung Quốc. Sự hợp nhất của 3 tổ chức này dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1930 (*Trang 11*).

4. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (*Trang 13*). Từ đó khẳng định vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Thành lập Đảng là thành quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giữ vai trò là người kiến tạo và sáng lập. Điều đó càng làm sáng tỏ thêm vai trò to lớn của tầm cao tư tưởng và phương pháp hoạt động thực tiễn của Người trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Liên hệ:

+ Kỷ niệm 85 năm thành lập Đảng, chúng ta càng thấy công lao to lớn của Người đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Tưởng nhớ Người, chúng ta càng khắc sâu công lao của Người, mỗi cán bộ đảng viên của Đảng, đặc biệt những người hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng lý luận tự hào luôn có Đảng lãnh đạo, càng ra sức học tập để thấm nhuần đạo đức cách mạng của Người, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở “Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, tích cực nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng, học tập đạo đức và phong cách của Người để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong công cuộc đổi mới, đấu tranh chống các quan điểm sai trái phủ nhận vai trò của Đảng, hạ thấp uy tín của Người đối với cách mạng Việt Nam, góp phần tích cực hiện thực hóa các Nghị quyết của Đảng trong cuộc sống.

+ Sinh viên hiện nay vẫn cần cố gắng nhiều hơn nữa, nỗ lực hơn nữa để xứng đáng với niềm tin yêu của Bác. Và học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cũng là cách giúp chúng ta hoàn thiện bản thân mình. Có nhiều cách để học tập, làm theo tấm gương của Bác, nhưng nên chăng trước hết chúng ta thực hiện chính những lời dạy của Bác về thanh niên, rèn luyện những phẩm chất đạo đức mà Bác đòi hỏi ở thế hệ tương lai của nước nhà.

Một là, phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”; không sợ gian khổ, hi sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp cách mạng.

Hai là, tin tưởng sâu sắc ở lực lượng và trí tuệ của tập thể, của nhân dân; tăng cường đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau; nâng cao ý thức tổ chức và kỉ luật; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do.

Ba là, luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn và giản dị; chống kiêu căng, tự mãn; chống lãng phí, xa hoa; thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp nhau cùng tiến bộ mãi.

Bốn là, ra sức nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học, kĩ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều hơn cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Năm là, luôn luôn chú ý dìu dắt và giáo dục thiếu niên và nhi đồng, làm gương tốt về mọi mặt cho đàn em noi theo.

Nếu thực hiện được những lời căn dặn trên đây của Bác, là chúng ta đang giáo dục bản thân mình một cách toàn diện, sống tốt hơn và cống hiến nhiều hơn cho đất nước và xã hội.

Đặc biệt, thanh niên, sinh viên cần đẩy mạnh việc trau dồi những phẩm chất đạo đức mà Hồ Chí Minh đòi hỏi ở những con người Việt Nam trong thời đại mới: Trung với nước, hiếu với dân; Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư; Lòng yêu thương con người; Tinh thần quốc tế trong sáng v.v. Rất nhiều bạn sinh viên đang có hoàn cảnh khó khăn, chúng ta có thể tìm hiểu và giúp đỡ nhau qua các hành động cụ thể: quyên góp ủng hộ bạn, giới thiệu việc làm thêm v.v.

Rất nhiều cảnh đời xung quanh chúng ta cần được cảm thông và chia sẻ: Những em bé mồ côi, người khuyết tật, người già neo đơn, v.v Sự giúp đỡ của chúng ta đối với họ không chỉ có ý nghĩa về mặt vật chất mà quan trọng hơn là động viên họ về mặt tinh thần, để họ có thêm nghị lực và tình yêu vào cuộc sống. Chiến dịch Mùa hè xanh, Sinh viên tình nguyện, v.v chúng ta đã, đang và sẽ làm tốt hơn nữa. Hay, học tập tốt cũng chính là nhiệm vụ của thanh niên sinh viên như lời dạy của Bác Hồ.

Việc học tập Bác không ở đâu xa mà thể hiện ở ngày những hành động cụ thể, những việc tốt trong cuộc sống: Như sinh viên trước khi tan học thì tắt điện, giữ vệ sinh, bảo vệ của công, không đi học muộn, chăm chỉ học tập, không gian lận trong thi cử, nói không với các tệ nạn xã hội,v.v. Như thế thì mỗi đoàn viên, sinh viên sẽ dễ hình dung mình cần phải làm gì và như thế nào, và chắc chắn phong trào sẽ đi vào chiều sâu và có hiệu quả hơn. Đồng thời, mỗi người khi đã rèn cho mình lối sống đạo đức, thì mình thử soi xem đã làm được bao nhiêu phần trăm, tự đánh giá, từ đó giúp đỡ những người xung quanh, những người còn chưa làm tốt. Phong trào thường ngày như: để nhắc nhở sinh viên giữ vệ sinh môi trường, tiết kiệm, đoàn trường có thể làm những bảng nhắc nhở như: “nếu là người lịch sự, xin đừng vứt rác bừa bãi”, hay “vui lòng tắt đèn khi ra khỏi phòng”. Những bảng nhắc nhở ngộ nghĩnh này có thể để ở những chỗ dễ nhìn, lâu dần sẽ hình thành thói quen tốt trong sinh viên. Hay xây dựng phong trào học tập, làm việc khoa học, chẳng hạn như chống nạn ngủ ngày trong kí túc xá, v.v. Đấy chính là hướng cho các bạn sinh viên học tập Bác Hồ ở tính tiết kiệm thời gian, chăm chỉ học tập và tham gia những hoạt động có ích cho bản thân và xã hội.

**Câu II.** Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam (Đảng Cộng Sản Đông Dương) từ năm 1941-1945.

Trả lời:

- Trình bày những vấn đề sau:

1. Chuyển hướng chỉ đạo chiến lược (*Trang 19-21*). Làm rõ 2 vấn đề là “Vì sao phải chuyển hướng chỉ đạo chiến lược” và “Nội dung của chuyển hướng chỉ đạo chiến lược”? Thể hiện ở phần hoàn cảnh và nội dung.

2. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước (*Trang 21-22*). Làm rõ “Nguyên nhân nào ĐCS Đông Dương phát động cao trào” và “Việc phát động cao trào kháng Nhật cứu nước được thể hiện ở đâu”? Phát động cao trào vì thời cơ xuất hiện là ngày 09/03/1945 quân Nhật nổ súng, lật đổ thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương qua chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

3. Phát động Tổng khởi nghĩa (*Trang 22-23*). Phát động Tổng khởi nghĩa vì thời cơ chín muồi là phát xít Nhật đầu hàng Liên Xô ngày 15/08/1945. *Chúng ta phát động khởi nghĩa trước 2 ngày vì chúng ta chắc chắn Nhật sẽ đầu hàng vì Liên Xô tấn công 1 triệu quân Nhật ở Mãn Châu Trung Quốc và ngay sau đó Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống nước Nhật thì đủ cơ sở khẳng đinh rằng trước sau gì Nhật cũng sẽ tuyên bố đầu hàng.*

Liên hệ:

+ Thành công của Đảng trong hoạch định đường lối và phương pháp cách mạng thời kỳ 1930- 1945 bắt nguồn từ bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trong việc tiếp thu và vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, có tham khảo những kinh nghiệm tốt của thế giới nhưng không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào. Bài học đó vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

+ Cách mạng Tháng Tám thành công là thắng lợi của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, truyền thống yêu nước nồng nàn, bản lĩnh, trí tuệ và ý chí quật cường của dân tộc ta được kế thừa, phát huy lên tầm cao mới trong cuộc đấu tranh do Ðảng ta tổ chức và lãnh đạo; là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn, sự lãnh đạo sáng suốt, tầm nhìn chiến lược, sự nhạy bén tạo thời cơ và chớp thời cơ nghìn năm có một, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại của Ðảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

72 năm qua, thực hiện lời thề thiêng liêng tại Lễ Tuyên ngôn độc lập "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập", nhân dân ta đã đổ biết bao công sức, trí tuệ, hy sinh biết bao xương máu để giữ vững thành quả và thực hiện các mục tiêu cao cả của Cách mạng Tháng Tám: Ðộc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Từ một nước nô lệ, Việt Nam đã trở thành một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không ngừng vươn lên trong xây dựng, phát triển, đổi mới và hội nhập quốc tế. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, lại bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã nỗ lực xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia không ngừng tăng lên, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục phát triển với những triển vọng tốt đẹp. Thắng lợi vĩ đại và những thành tựu to lớn của nhân dân ta trong 72 năm qua được nhân dân thế giới, bạn bè quốc tế cảm phục, đánh giá cao, trở thành hành trang quý báu của dân tộc ta trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước hiện nay bên cạnh những thời cơ, thuận lợi đang có nhiều diễn biến rất phức tạp, thay đổi nhanh chóng. Hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng còn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định rất khó lường. Ðối với nước ta, các thế lực thù địch chống phá quyết liệt bằng chiến lược "diễn biến hòa bình", thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" hết sức thâm độc, nguy hiểm. Bốn nguy cơ mà Ðảng ta chỉ ra vẫn tồn tại.

Hơn bao giờ hết, tình hình nêu trên đòi hỏi toàn Ðảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết, thống nhất, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Ðảng, tận dụng tốt thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chúng ta tiếp tục quán triệt, nắm vững, dồn sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Ðại hội XII của Ðảng. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Ðảng thật sự trong sạch, vững mạnh; triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII); tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bè phái, "lợi ích nhóm", v.v phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Kỷ niệm 72 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, nhận thức sâu sắc về tầm vóc, ý nghĩa lịch sử trọng đại cùng những bài học thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, chúng ta càng tự hào về những thành tựu to lớn, những chiến công oanh liệt của nhân dân ta trong suốt 72 năm qua dưới sự lãnh đạo của Ðảng quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Khí thế, tinh thần và những bài học từ Cách mạng Tháng Tám vẫn đang tiếp thêm sức mạnh cho toàn Ðảng, toàn dân, toàn quân ta trên hành trình Ðổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**Câu III.** Nội dung của Đại hội Đảng toàn quốc lần III năm 1960. Tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng Lao Động Việt Nam trong việc giải quyết những yêu cầu của Cách mạng Việt Nam.

Trả lời:

- Trình bày những vấn đề sau:

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử diễn ra đại hội với những thuận lợi và khó khăn (*Trang 37-38*). Lưu ý, mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, đây là 2 nước lớn thuộc khối hệ thống XHCN và có ảnh hưởng tới đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam, bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta phải xử lý.

2. Trình bày nội dung của đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (*Trang 40-41*): Nhiệm vụ chung, nhiệm vụ chiến lược, v.v. Tinh thần chung là tiến hành 2 nhiệm vụ lớn là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam.

3. Ý nghĩa của đường lối (*Trang 41*). Việc tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ cách mạng chiến lược phù hợp với quan điểm chi phối của giới lãnh đạo cả Liên Xô và Trung Quốc. *Liên Xô muốn chung sống hòa bình, chủ nghĩa tư bản và xã hội chung sống hòa bình để cùng phát triển.Trung Quốc muốn tăng sức ảnh hưởng đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc các nước thuộc địa, muốn thúc đẩy chiến tranh. Chủ trương miền Bắc phù hợp với Liên Xô còn miền Nam phù hợp với Trung Quốc nên vẫn luôn nhận được sự trợ giúp của 2 nước. Yêu cầu thực tiễn, cơ bản nhất đặt ra là thống nhất đất nước. Miền Bắc xây dựng CNXH là để trở thành một hậu phương lớn ra sức chi viện sức người sức của cho miền Nam. Từ đó cho thấy sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam giải quyết các vấn đề lúc bấy giờ, phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam và bối cảnh quốc tế.*

Liên hệ:

+ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam có một ý nghĩa rất trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng do Đại hội vạch ra là ngọn đèn pha sáng ngời chiếu rọi con đường của nhân dân ta tiến tới chủ nghĩa xã hội, tiến tới thống nhất nước nhà, tiến tới một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

+ Tham khảo Câu II.

**Câu IV.** Làm rõ nội dung các quan điểm tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kì đổi mới.

Trả lời:

- Trình bày:

1. Các quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa (*Trang 51-52*).

Liên hệ:

+ Tri thức nói chung và sinh viên nói riêng là lực lượng xã hội hùng hậu, có sức khoẻ, có trình độ học vấn, có tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học hiện đại. Trong giai đoạn cách mạng mới, với bối cảnh thế giới biến động phức tạp, trước những thách thức to lớn của xu thế toàn cầu hoá về kinh tế, sự phát triển của kinh tế tri thức.

Hiện nay, tầng lớp trí thức và sinh viên nước ta đang đứng trước những thời cơ và thách thức:

a. Thời cơ:

Sự nghiệp đổi mới của Đảng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và xã hội mở ra cho từng lớp trí thức và sinh viên nhiều cơ hội để phát huy tài năng, cống hiến và trưởng thành.

Các chính sách của Nhà nước như: Phát triển giáo dục, dạy nghề, nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, các chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế nhiều thành phần v.v. là cơ hội để từng lớp trí thức và sinh viên vươn lên xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng.

Sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp, xây dựng, khai thác và các khu công nghệ cao là cơ hội để cho hàng vạn trí thức và sinh viên trở thành người lao động có chuyên môn, đứng vào hàng ngũ của giai cấp công nhân.

Sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức là cơ hội để tuổi trẻ thể hiện tài năng, cống hiến trí tuệ cho đất nước. Việc mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế tạo điều kiện cho từng lớp trí thức nói chung và sinh viên nói riêng tiếp cận nhiều và nhanh hơn kinh nghiệm, tri thức quốc tế, tinh hoa văn hoá nhân loại.

b. Thách thức:

Tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp mau lẹ, khó lường, những nguy cơ chung của đất nước mà Đảng ta chỉ ra là những thách thức lớn đối với từng lớp trí thức nói chung và sinh viên nói riêng.

Đất nước ta còn nghèo, chưa đủ khả năng, điều kiện để đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, việc làm, nhà ở, lập nghiệp v.v. của từng lớp trí thức nói chung và của sinh viên nói riêng.

Yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình hội nhập quốc tế là những thách thức đối với số đông trí thức nói chung và sinh viên nói riêng có trình độ học vấn thấp, không có chuyên môn, nghề nghiệp và thiếu năng lực sáng tạo. Tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội tác động mạnh mẽ vào từng lớp trí thức và sinh viên, là những thách thức lớn đến giá trị đạo đức và lối sống của trí thức và sinh viên nước ta.

c. Thành tựu:

Sinh viên Việt Nam là những trí thức tương lai của đất nước, không ai hết mà chính họ sẽ là những người đóng vai trò chủ chốt trong công cuộc CNH, HĐH đất nước. Thế kỷ XXI là thế kỷ của văn minh trí tuệ, của sự phát triển KHKT, nên rất cần có những con người trẻ tuổi, có trình độ và năng lực sáng tạo cao, có khả năng tiếp nhận cái mới rất nhanh và biết thay đổi linh hoạt, thích nghi kịp thời với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại, đại diện cho một thế hệ tiên tiến mới.

Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở các nước đang phát triển đó là một môi trường mới đòi hỏi tư duy phải đổi mới nhanh nhạy để phù hợp, do đó từng lớp trí thức và sinh viên thích nghi dễ dàng hơn. Chính họ đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành một tư duy kinh tế mới.

Tuổi trẻ là nền tảng cho một đời người. Với sinh viên, những người ngồi trên ghế giảng đường đại học là quãng thời gian vô cùng quan trọng trong qúa trình lâu dài tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, phương pháp tư duy và bản lĩnh chính trị. Từ điểm xuất phát này, con người trưởng thành và bước vào đời. Nếu điểm xuất phát tốt, họ sẽ đạt được những bước đi dài, ổn định và vững chắc trong tương lai; ngược lại, con đường đi lên sẽ gặp trắc trở khó khăn.

Ngày nay, trong xây dựng và phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, từng lớp trí thức tiếp nối các thế hệ cha anh đã và đang phát huy được truyền thống vẻ vang của các thế hệ trẻ trước đây trong các lĩnh vực hoạt động của mình. Hàng chục hàng trăm nghìn trí thức nói chung và sinh viên nói riêng đang đảm nhiệm những cương vị công tác quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế Nhà nước, tập thể, tư nhân, liên doanh liên kết với nước ngoài.

Nhiều người trong số họ đã trở thành những giám đốc tài năng, nhà kinh doanh giỏi, kế toán giỏi, tiếp thị thông thạo và chuyên gia trong việc tổ chức các quan hệ kinh doanh và thực hiện các hợp đồng kinh tế với nước ngoài.

Nhiều trí thức và sinh viên được cử sang nước ngoài học tập. Họ đem lại những kiến thức và tay nghề, công nghệ mới tiếp thu được từ các nước tiên tiến để phục vụ sự phát triển kinh tế của nước ta.

d. Hạn chế:

Có thể nói vai trò của trí thức nói chung và sinh viên nói riêng trong thời kỳ đổi mới và lợi ích kinh tế-xã hội mà thế họ đem lại cho đất nước trong những năm qua là không nhỏ. Song đáng tiếc là vẫn còn một số từng lớp trí thức và sinh viên nước ta chưa quan tâm góp sức mình cùng với công cuộc đổi mới của Đảng.

Họ thờ ơ đứng ngoài cuộc, có người thì chạy theo lợi ích cá nhân làm ăn kinh tế phi pháp, lợi mình, thiệt hại quốc gia, có kẻ lao vào con đường ăn chơi nghiện hút, trộm cắp, hủy hoại thể chất và tinh thần của bản thân, gây thiệt hại cho gia đình và xã hội.

Một đất nước Việt Nam có phồn vinh và vững mạnh trong tương lai hay không là phụ thuộc phần lớn vào thế hệ trẻ sau này, trong đó có từng lớp trí thức nói chung và sinh viên nói riêng. Nếu cho rằng thế hệ trước của chúng ta đã hy sinh , đã trả bằng máu, mồ hôi và nước mắt vì triết lý: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" thì nay chúng ta là các sinh viên nói riêng và từng lớp trí thức nói chung phải nỗ lực nhằm mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Là một sinh viên Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng, một công dân của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôi đã và đang được hưởng những thành quả tốt đẹp của công cuộc đổi mới, nguyện sẽ góp một phần sức lực nhỏ bé để công cuộc đổi mới ngày càng đi lên.

**Câu V.** Tư duy nhận thức của Đảng Cộng Sản Việt Nam về kinh tế thị trường từ đại hội IX đến nay. Xoay quanh vấn đề làm rõ mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Trả lời:

- Trình bày các quan điểm:

1. Trình bày tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ đại hội IX đến đại hội XI (*Trang 59-60*). *Mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa).* Mục đích của tất cả các nội dung là căn cứ để xác định sự khác biệt giữa nền kinh tế thị trường của Việt Nam với nền kinh tế thị trường của các nước khác (với nền kinh tế thị trường tự do ở châu Âu và Bắc Mĩ). *Tuy nhiên kinh tế thị trường có những điểm chung nhất định vận động theo những quy luật vốn có của nó như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, v.v. Mỗi quốc gia có một nền văn hóa riêng nên nền kinh tế thị trường cũng mang những nét riêng.*

Liên hệ:

+ Sau hơn hai mươi năm tiến hành đổi mới đất nước, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta đang từng bước được xác lập và hoàn thiện. Kinh tế thị trường cùng với những thành tựu to lớn đã đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, v.v đã tạo ra môi trường kinh tế-xã hội và điều kiện thuận lợi cho mỗi cá nhân rèn luyện, phát huy năng lực của bản thân, hình thành những giá trị tự thân, thích ứng ngày càng tốt hơn những đòi hỏi của xã hội. Kinh tế thị trường luôn đề cao lợi ích của cá nhân và về thực chất, là đề cao trách nhiệm của cá nhân, trước hết là trách nhiệm với lợi ích kinh tế. Nhờ đó, tinh thần, ý thức trách nhiệm đạo đức và năng lực chịu trách nhiệm đạo đức của cá nhân cũng được nâng lên. Tuy nhiên, những mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng tác động tiêu cực đến tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực đạo đức, trong đó có vấn đề thực hiện trách nhiệm xã hội.

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội có liên quan mật thiết đến vấn đề phát triển bền vững của đất nước nói chung, của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp nói riêng trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Bởi lẽ, vấn đề trách nhiệm xã hội luôn được đặt ra từ tình hình thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta đang tích cực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa luôn đòi hỏi mỗi cá nhân không chỉ năng động hơn, có trình độ học vấn cao hơn, mà trách nhiệm đạo đức trước xã hội cũng phải cao hơn. Các định hướng giá trị mới do công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo ra đòi hỏi thực hiện trách nhiệm xã hội không chỉ bó hẹp trong quá trình lao động sản xuất, mà cả trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên xung quanh vì lợi ích thiết thân của con người.

Có thể nói, không chỉ những mặt tích cực, mà cả những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đều đặt ra những yêu cầu cụ thể về trách nhiệm xã hội của cá nhân, của các doanh nghiệp và toàn xã hội khi tham gia vào đời sống kinh tế-xã hội. Những yêu cầu đó là:

Thứ nhất, trong lĩnh vực kinh doanh, việc tối đa hóa lợi ích cá nhân, pháp nhân là yêu cầu quan trọng của hoạt động kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường. Nói cách khác, đặc trưng bản chất của kinh tế thị trường là kinh doanh với sự điều tiết của nguyên tắc chi phí nhỏ-lợi nhuận lớn. Khi các chủ thể kinh doanh bị chính yếu tố lợi nhuận chi phối tất sẽ dẫn đến hành động bất chấp mọi thủ đoạn để đạt được lợi ích cho cá nhân mình, như cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, vi phạm các yêu cầu về bảo vệ môi trường... Điều này đồng nghĩa với việc các chủ thể kinh doanh chối bỏ không chỉ nghĩa vụ, mà cả quyền thực hiện trách nhiệm xã hội. Do đó, trách nhiệm xã hội trong kinh doanh là yêu cầu cần phải được đặt ra để buộc các chủ thể kinh doanh, khi tham gia thị trường không chỉ tự giác, mà còn tự nguyện tuân thủ các nguyên tắc thị trường, biến việc thực hiện nguyên tắc thị trường thành nhu cầu tinh thần, đạo đức.

Thứ hai, trong lĩnh vực đạo đức xã hội, kinh tế thị trường đề cao tự do cá nhân, là môi trường làm nảy sinh chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái đạo đức, tệ sùng bái đồng tiền, coi đồng tiền là thước đo đánh giá giá trị của bản thân và của những người khác. Cũng vì thế mà mỗi người chỉ biết đến lợi ích của bản thân mình mà quên đi trách nhiệm đối với những người xung quanh, trách nhiệm đối với xã hội. Lợi ích cá nhân, tâm lý làm giàu nhanh, làm giàu bằng bất cứ giá nào đã dẫn đến hiện tượng nhiều chủ thể kinh tế coi thường kỷ cương, phép nước, lừa đảo, tham ô, tham nhũng, lương tâm và danh dự ngày càng mờ nhạt dần. Do vậy, giáo dục ý thức trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm xã hội cần phải được đặt ra như một yêu cầu tất yếu đối với mọi cá nhân, mọi tổ chức và toàn thể xã hội.

Thứ ba, cùng với những thành quả to lớn về phương diện kinh tế-xã hội, trong những năm qua, chúng ta cũng đã vấp phải không ít vấn đề gây cản trở lớn đối với sự phát triển của đất nước, đặc biệt là về phương diện giá trị, bản sắc dân tộc. Một trong những nguy cơ của toàn cầu hóa là sự hòa tan các nền văn hóa vào một nền văn hóa chung, duy nhất theo mô hình phương Tây, hay là sự phương Tây hóa các nền văn hóa. Điều này có thể làm mất đi tính đa dạng của những giá trị truyền thống, làm tiêu tan bản sắc riêng có của từng dân tộc, từng quốc gia. Sự du nhập lối sống ngoại lai trong quá trình hội nhập quốc tế có thể khiến cho nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp bị mai một, bị đồng hóa, bị hòa tan bởi các giá trị văn hóa ngoại lai, xa lạ. Những biểu hiện tiêu cực của kinh tế thị trường đến đời sống tâm lý, lối sống, phong cách tư duy của các tầng lớp trong xã hội,… đang thực sự trở thành những vấn đề nóng bỏng. Do vậy, trong xu thế giao lưu, hội nhập toàn cầu hiện nay, xây dựng bản lĩnh văn hóa Việt Nam là vấn đề mang tính sống còn trong việc bảo vệ và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ý thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề này, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta đã khẳng định chủ trương: “tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc… Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hóa…, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh con người Việt Nam”.

Đứng trước hiện thực này, yêu cầu đặt ra là trách nhiệm của mỗi cá nhân, hay rộng hơn nữa, trách nhiệm của cả cộng đồng, trách nhiệm xã hội của một quốc gia, một dân tộc nhất định phải được thể hiện như thế nào đó để vừa thúc đẩy quá trình phát triển trong sự hội nhập với cộng đồng thế giới, vừa phải đảm bảo việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc và khẳng định được bản lĩnh của mình trước nguy cơ đồng hóa. Đòi hỏi cần quan tâm chính là vấn đề giáo dục và phát huy truyền thống dân tộc, giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, trách nhiệm với Tổ quốc. Những thay đổi của đời sống kinh tế-xã hội, sự phát triển với tốc độ vũ bão của khoa học và công nghệ cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa không những không làm giảm đi vai trò của trách nhiệm xã hội mà trái lại, còn làm cho vai trò của nó ngày càng tăng và dần trở thành yếu tố không thể thiếu.

Có thể nói rằng, sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước có thành công hay không và mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại có thực hiện được hay không phụ thuộc phần lớn vào việc phát huy nội lực của đất nước, trong đó phát huy trách nhiệm của mỗi cá nhân, của toàn xã hội là một yếu tố hết sức quan trọng. Thực hiện trách nhiệm xã hội đòi hỏi mỗi người cần phải đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích bản thân, tôn trọng những chuẩn mực đạo đức, tự giác tuân thủ pháp luật. Chính vì vậy, để mỗi cá nhân thể hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của mình thì vấn đề quan trọng là phải tạo ra một cơ chế xã hội đủ mạnh để giáo dục, khuyến khích tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người, làm cho họ nhận thức đầy đủ, rõ ràng trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng và phát triển cộng đồng, phát triển xã hội. Điều này không nằm ngoài yêu cầu thực hiện một cách đồng bộ và nhất quán các giải pháp kinh tế, pháp luật và giáo dục trách nhiệm xã hội. Công việc này không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân hay tổ chức, mà còn là trách nhiệm của cả cộng đồng, cả xã hội.

+ Ngày nay vấn đề “Toàn cầu hoá kinh tế” là một sự thế khách quan đang diễn ra trên thế giới, do lực lượng sản xuất ngày càng mang tính chất quốc tế hoá, đặc biệt là từ khi cuộc cách mạng khoa học và công nghệ bùng nổ. Xu thế trên đây thúc đẩy các quốc gia phải có chiến lược về hội nhập kinh tế quốc tế.

Toàn cầu hóa kinh tế không chỉ diễn ra trong lĩnh vực sản xuất mà còn cả trong lưu thông, tài chính, ngân hàng, dịch vụ… Nhiều sản phẩm tiêu dùng cho sản xuất và cá nhân đang do các công ty xuyên quốc gia nắm toàn bộ. Theo thống kê của các cơ quan kinh tế, trên thế giới có khoảng 38.000 công ty xuyên quốc gia mẹ và 140.000 chi nhánh (công ty con) phụ thuộc. Các công ty xuyên quốc gia chi phối 90% đầu tư trực tiếp, chiếm lĩnh 80% công nghệ mới, nắm giữ trên 50% sản lượng công nghiệp thế giới và hơn 60% buôn bán thương mại quốc tế, trong đó có những mặt hàng tới 90% như chè, cà phê, ca cao… Lợi nhuận thu được của các công ty xuyên quốc gia hàng năm lên tới hàng tỷ USD. Nền kinh tế nước ta đang có nhu cầu bức thiết phải phát triển để tiến lên hiện đại, mặt khác xu thế toàn cầu hóa kinh tế cũng thúc ép ta phải có chiến lược hội nhập nền kinh tế của mình với kinh tế thế giới, trước hết là các nước láng giềng, các nước ASEAN và một số nước khác trên thế giới; nếu không thì cũng rất khó khăn trong việc phát triển đất nước để tiến lên hiện đại và văn minh. Vì vậy, mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế đang thực sự là vấn đề chiến lược đối với nước ta.

Hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết. Song cái khó nhất là ở chỗ hội nhập nhưng không để bị hoà tan, không chệch định hướng XHCN, không rơi vào cái bẫy mắc nợ triền miên với các nước tư bản để rồi phải phụ thuộc vào họ cả về kinh tế và chính trị, do đó cần phải có chiến lược và sách lược khôn ngoan trong hội nhập kinh tế quốc tế cả trước mắt cũng như lâu dài. Chiến lược và sách lược đó phải được xây dựng trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

Một, giữ vững độc lập tự chủ về chính trị đi đôi với mở rộng hợp tác phát triển kinh tế bảo đảm các bên cùng có lợi.

Hai, đa phương hoá và đa dạng hoá để có nhiều đối tác và hình thức phát triển quan hệ kinh tế đạt hiệu quả cao nhất.

Ba, bảo đảm cho đất nước vừa phát triển nhanh kinh tế vừa tiến lên theo đúng định hướng XHCN, từng bước thực hiện được mục tiêu dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thanh niên–một lực lượng quan trọng tham gia thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế:

Muốn thực hiện thắng lợi những mục tiêu mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh quốc tế hiện nay, ngoài sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương đường lối chiến lược đúng và sách lược khôn ngoan, còn phải có những con người có đủ khả năng để tổ chức thực hiện có kết quả những chủ trương đường lối chính sách đó trong thực tiễn. Thế hệ thanh niên được coi là lực lượng xung kích, đi đầu thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết trung ương VII (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá và mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế cũng nhằm mục đích tạo điều kiện giúp thế hệ thanh niên xứng đáng là lực lượng xung kích đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong lịch sử cũng như hiện tại, dù ở đâu, đánh giặc, bảo vệ tổ quốc hay xây dựng phát triển kinh tế, tổ chức đời sống xã hội, các thế hệ thanh niên nước ta đều được coi là lực lượng xung kích của dân tộc, đi đầu và có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có thể nói, tuyệt đại bộ phận thế hệ trẻ nước ta hiện nay họ đang tích cực đem sức lực và tài năng của mình thực hiện các mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế theo đường lối chủ trương lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Lợi ích kinh tế – xã hội mà thế hệ trẻ tham gia vào việc mở rộng kinh tế với nước ngoài đem lại cho đất nước và gia đình trong những năm qua cũng không nhỏ. Tuy nhiên, đáng tiếc là vẫn còn một số nam, nữ thanh niên nước ta chưa quan tâm góp sức mình cùng với thế hệ trẻ tham gia thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế. Họ thờ ơ đứng ngoài cuộc, có người thì chạy theo lợi ích cá nhân vị kỉ làm ăn kinh tế phi pháp, lợi mình, thiệt hại quốc gia, có kẻ lao vào con đường ăn chơi nghiện hút, trộm cắp, huỷ hoại thể chất và tinh thần của bản thân, gây thiệt hại cho kinh tế gia đình cha mẹ. Cần phải có những biện pháp giáo dục để giúp họ sửa chữa sai lầm và trở thành người có ích cho xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, đứng trước sự phát triển ngày càng cao của nền kinh tế thị trường ở nhiều nước trên thế giới và sự cạnh tranh kinh tế cũng gay gắt, thậm chí khốc liệt hơn, vấn đề gì đặt ra với nhà nước và thế hệ trẻ? Theo chúng tôi nghĩ, Nhà nước cần phải ban hành đầy đủ các chính sách và qui chế cụ thể, tháo gỡ khó khăn tạo ra hành lang pháp luật và hành lang kinh tế thuận lợi nhất cho việc thực hiện các quan hệ kinh tế đối ngoại; đào tạo cán bộ có tài năng làm kinh tế đối ngoại giúp các doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Về phía thế hệ trẻ Việt nam phải có trách nhiệm tham gia một cách tích cực có hiệu quả vào quá trình thực hiện các mục tiêu của Đảng và Nhà nước đề ra trong hội nhập kinh tế quốc tế. Muốn vậy thế hệ thanh niên ngày nay phải ra sức phấn đấu học tập, rèn luyện để có được trình độ, năng lực và bản lĩnh cách mạng sau đây của những người làm kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng:

Một là, phải trung thành tuyệt đối với đường lối xây dựng đất nước nói chung và mở rộng kinh tế đối ngoại nói riêng của Đảng và Nhà nước ta. Luôn trau dồi đạo đức, lý tưởng cách mạng, có lối sống văn hóa để trở thành những người có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, phải hiểu biết một cách nhuần nhuyễn các qui luật của nền kinh tế thị trường vận động trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội ở các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng, ở các hoàn cảnh cụ thể của thị trường trong nước và thị trường thế giới để vận dụng một cách sáng tạo vào việc giải quyết các công việc sản xuất kinh doanh đối ngoại của mình, đạt hiệu quả cao nhất, hạn chế thấp nhất những thiệt hại do sự rủi ro hoặc thiếu trách nhiệm gây ra.

Ba là, không ngừng học tập bồi dưỡng để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ, trình độ hiểu biết luật pháp đặc biệt là luật kinh tế để giải quyết một cách thông thạo các quan hệ giao dịch và kinh doanh ngang tầm đòi hỏi của thị trường thế giới.

Bốn là, biết tìm kiếm và phát hiện kịp thời những thế mạnh của sản xuất và thị trường trong nước và thế yếu của thị trường thế giới để khai thác tốt nhất trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta theo hướng đa phương và đa dạng hoá.

Năm là, làm công việc gì, ở đâu, với nước nào, cũng đều phải đặt lợi ích quốc gia, lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Trong bất cứ trường hợp nào cũng đều phải giữ vững mục tiêu đưa nền kinh tế nước ta đi theo định hướng XHCN, không vì lợi ích kinh tế trước mắt mà đánh mất lợi ích chính trị xã hội lâu dài.

Sáu là, góp phần thực hiện tốt các cam kết với tổ chức thương mại quốc tế WTO và các quan hệ thương mại song phương khác để chứng tỏ rằng Việt Nam là đối tác làm ăn tin cậy của họ.

Hội nhập kinh tế quốc tế theo đường lối của Đảng và Nhà nước đề ra là một quá trình lâu dài phức tạp và gian khổ nhưng nhất định sẽ thành công. Thế hệ trẻ Việt nam có vai trò quan trọng trong việc tham gia thực hiện các mục tiêu của chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và được giáo dục đào tạo trong môi trường mới, chắc chắn là họ sẽ có đủ năng lực và trí tuệ để hoàn thành được những nhiệm vụ của xã hội giao cho.

+ Tác động tới ngành Y của kinh tế thị trường:

Chính sách đầu tư cho y tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa lấy an sinh xã hội làm trọng. Muốn vậy phải thể hiện ba vấn đề:

Một là, đầu tư cho y tế là đầu tư cho phát triển (Tổ chức Y tế thế giới (WHO) công bố năm 2001), rất tiếc đến nay chưa có nghiên cứu nào của Việt Nam chứng minh sâu sắc được điều này.

Hai là, theo một tài liệu của WHO công bố năm 2005, sức khỏe con người phụ thuộc tám vấn đề (theo tôi nên thêm một vấn đề nữa cho phù hợp thực tiễn Việt Nam):

1-Bạo hành xã hội, gia đình. 2-Tai nạn giao thông. 3-Công ăn việc làm cho người đến tuổi lao động. 4-Chống thương mại lừa dối. 5-Môi trường sống được cải thiện, thiên tai được giảm nhẹ. 6-Quan tâm trẻ em mồ côi do HIV, người già không nơi nương tựa. 7-Phát triển bình đẳng giới. 8-Tăng cường vốn xã hội quan hệ con người với con người. 9-Tự mình chăm lo giữ sức khỏe cho cá nhân và cho cộng đồng.

Giải pháp là, vận động xã hội tham gia, biểu dương gương sáng trong cộng đồng, chứ không phải chỉ có cán bộ y tế; tìm cách xã hội hóa các chương trình, mục tiêu quốc gia, v.v.

Ba là, sử dụng ngân sách công như thế nào? Ðầu tư cho ai, những ai được hưởng dịch vụ cao? Trong thực tế, chúng ta đã làm nhưng chưa đủ mạnh cho y tế dự phòng và y tế cơ sở về phương thức đầu tư và cách làm.

Xã hội hóa dịch vụ khám, chữa bệnh phát triển thành công, có nhiều chuyên khoa đứng vị trí khu vực và là tốp dẫn đầu như: nội soi phẫu thuật, nhất là nội soi nhi khoa; tế bào gốc ứng dụng chữa ung thư máu và bỏng đã hình thành, chẩn đoán hình ảnh, sinh học phân tử, v.v. cũng đã phát triển mạnh, nhưng công bằng trong khám, chữa bệnh còn là vấn đề bức xúc của xã hội.

Nguyên nhân cơ bản là bảo hiểm y tế xã hội bắt buộc độ bao phủ không theo kịp và đóng góp còn thấp, tuy thu 5% thu nhập, nhưng do thu nhập thấp nên không bảo đảm từ 20 đến 30% giá dịch vụ kỹ thuật cao, và chưa hình thành được dịch vụ công hay tư đều trả qua bảo hiểm y tế bắt buộc và bảo hiểm thương mại cho dịch vụ theo yêu cầu.

Tôi thấy công tác nhân đạo, làm từ thiện rất rầm rộ, nên chăng hãy dành một mục mua bảo hiểm cho người nghèo, gia đình chính sách để thực hiện tương đối công bằng trong khám, chữa bệnh là lúc người dân cần trợ giúp nhất trong cuộc sống, chẳng khác gì thiên tai bão lụt, v.v.

Chạy thận nhân tạo là chuẩn bị ghép thận, nếu không chỉ nên dùng có hiệu quả thẩm phân phúc mạc. Khi tôi đến Pa-ri, vào tham quan trung tâm thận ngoại trú, tôi thấy thẩm phân phúc mạc chỉ có một điều dưỡng viên giúp bệnh nhân tự làm thẩm phân phúc mạc nó sẽ có lợi về vấn đề tài chính và bản thân người bệnh có thể tự chăm sóc cho bản thân.

Chụp X-Quang kèm nội soi phát hiện tổn thương chính xác vì có chứng cứ giải phẫu bệnh lại ít tiền hơn nhiều trừ khi không thành thạo nội soi sinh thiết và bơm cản quang được.

Về phát triển, có thể nói, mạng lưới y tế của ta là khá rộng khắp trong các nước đang phát triển thu nhập thấp và tốp đứng đầu. Nhưng chưa có đánh giá hiệu quả so sánh nơi bác sĩ về xã và đạt chuẩn quốc gia thì người dân nơi đó hưởng dịch vụ y tế cao hơn nơi chưa đạt những điểm nào trong dịch vụ; nói cách khác mạng lưới dịch vụ y tế phát triển nhưng tác động hiệu quả cuối cùng (impact) chưa định lượng được nên mới nói hiện trạng mà không nói được hiệu quả.

Theo tôi cần tăng cường kỹ năng giám sát đánh giá cho cán bộ y tế nói chung và cho cán bộ chuyên khoa y tế cộng đồng nói riêng. Y tế dự phòng là bộ mặt sáng đẹp của y tế Việt Nam, tiêm chủng mở rộng đạt hơn 90%, duy trì hơn 20 năm là thành tích vàng trong các nước như chúng ta. Vì vậy chúng ta đã thanh toán được bại liệt, giảm gần như bằng 0 số người chết về sốt rét ác tính do Plasmodium Falciparum, trong đó có công của phát hiện chiết xuất Artesiminin từ cây thanh hao hoa vàng mọc hoang dại ở Lạng Sơn, Cao Bằng và dẫn xuất đủ dùng trong nước và xuất khẩu. Y tế thế giới bốn năm sau Việt Nam khi chính thức công nhận Artesiminin và dẫn xuất là thuốc hàng đầu (first line) khi sốt rét do Plasmodium Falciparum, không có tử vong, tiêu chảy cấp có vi khuẩn tả, đại dịch cúm A (H1N1) tử vong rất thấp (0,21%) và đặc biệt các bệnh dịch không phải trả viện phí.

Theo chúng tôi, định hướng xã hội chủ nghĩa về y tế trong nền kinh tế thị trường gồm các yếu tố chính sau đây:

1-Tăng ngân sách cho y tế theo ba vấn đề nói trên là hiện đại nhất, tiên tiến nhất.

2-Hướng chi cho người sử dụng dịch vụ bằng mua bảo hiểm y tế bắt buộc, động viên bảo hiểm y tế thương mại cho người có tiền.

3-Ưu tiên chi công cho y tế dự phòng, trong đó ưu tiên cho sản xuất vắc-xin, nhập vắc-xin đã chứng tỏ hiệu nghiệm trên thế giới và giáo dục truyền thông chuyển đổi hành vi.

4-Củng cố và phát triển chất lượng y tế cơ sở, tiến tới bác sĩ gia đình là mô hình tiên tiến nhất; dịch vụ đến với dân thuận lợi nhất, trên cơ sở bảo hiểm y tế xã hội bắt buộc toàn dân và thu nhập đầu người dân tăng lên khoảng 10.000 USD/người/năm.

5-Hoàn thành bảo hiểm bắt buộc toàn dân và bảo hiểm thương mại càng sớm càng tốt. Và nếu như có nhiều bệnh viện tư, ít bệnh viện công cũng không sao. Xã hội hóa để có trang, thiết bị bệnh viện kỹ thuật càng cao bao nhiêu càng tốt.

6-Quản lý ngân sách y tế tỉnh giao cho Sở y tế. Sở y tế có trách nhiệm quản lý cho đến tận nơi y tế cơ sở.

7-Trung tâm huyện nên lấy bệnh viện làm trung tâm, vì chất lượng cao về nhân lực tập trung ở đấy. Phải huy động bằng được nhân viên bệnh viện tham gia phòng, chống dịch, đào tạo cán bộ y tế cơ sở và cán bộ y tế cơ sở có biên chế không áp dụng chế độ hợp đồng để ổn định lâu dài hệ thống hành chính cung cấp dịch vụ y tế tại tuyến cơ sở. Cần giữ mô hình trung tâm y tế huyện mới có khả năng xây dựng la-bô phục vụ kiểm soát an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, điều trị thuốc ARV cho người HIV và chẩn đoán sinh học.

8-Phát triển y học cổ truyền chữa bệnh không dùng thuốc, làm thuốc với cây con bản địa hiệu quả thì y học Việt Nam mới có chỗ đứng trong y học quốc tế, (Ðài Loan đã có bệnh viện 700 giường Ðông Tây y kết hợp ở Ðài Trung là niềm mơ ước của Thủ tướng Phạm Văn Ðồng khi tôi đăng ký xin Thủ tướng chỉ đạo về Ðông Tây y kết hợp).

9-Ðã quản lý được phần lớn giá thuốc, nhưng chỉ khi ta có nền công nghiệp hóa dược hiện đại thì mới chủ động vấn đề thuốc tối thiết yếu được.

10-Ðào tạo theo địa chỉ sử dụng là ước mơ và có trường đào tạo nhân tài có quy chế tuyển chọn và chương trình đào tạo rất hiện đại về các môn khoa học cơ bản trong đó có toán thống kê và liên ngành khoa học vật lý-hóa sinh-sinh học phân tử, genomic và proteomic là chuyện cơ bản và lâu dài tiến đến Nobel y học.

**Câu VI.** Đường lối của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội, tập trung vào thời kì đổi mới. Một số quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kì đổi mới.

Trả lời:

- Trình bày các quan điểm:

1. Quan điểm và chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong thời kì đổi mới (*Trang 81-82*).

*Vấn đề chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân liên quan đến lĩnh vực y tế, thảo luận vấn đề: Một năm, trung bình người Việt mang 2 tỷ USD ra nước ngoài chữa bệnh nhưng ở chiều ngược lại có rất nhiều người nước ngoài, kiều bào ở nước ngoài ở các nước phát triển lại về Việt Nam chữa bệnh, thực hiện các dịch vụ y tế. Tại sao lại có tình trạng này?*

**Câu VII.** Hoàn cảnh lịch sử những năm 80 của thế kỉ XX, làm rõ tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Xác định yêu cầu của công tác đối ngoại trong giai đoạn này là gì?

Trả lời:

- Trình bày các quan điểm:

1. Trình bày hoàn cảnh những năm 80 của thế kỉ XX (*Trang 87-88*).

Liên hệ:

+ Quan điểm giải quyết các vấn đề xã hội:

Một là, kết hợp các mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội.

Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp. Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến các tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lý. Phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Sự kết hợp giữa 2 loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở. Về mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách kinh tế, Đảng xác định: Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Do đó, cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Đồng thời Đại hội đề ra yêu cầu: Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng nhấn mạnh cần phải xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội. Để thực hiện tốt chính sách xã hội, phải tiến tới xoá bỏ cơ sở kinh tế-xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hằng ngày của xã hội. Từ những quan điểm nêu trên, Đại hội VI đã đề ra chủ trương về giải quyết các vấn đề xã hội như: Phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số, coi đây là một điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, để thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội; Đảm bảo việc làm cho người lao động là nhiệm vụ kinh tế-xã hội hàng đầu. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác, kể cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Ban hành và thực hiện Luật lao động; Đảm bảo cho người lao động có thu nhập thoả đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động; chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân. Trước mắt là tập trung sức nâng cao chất lượng các hoạt động y tế và đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc chăm sóc sức khoẻ của nhân dân; từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội XHCN đối với toàn dân, theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người có công với cách mạng và những người gặp khó khăn. Điều chỉnh, bổ sung các chính sách, nhất là các vấn đề quan hệ tới lợi ích thiết thân của mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội. Trong đó, tư duy mới của Đảng thể hiện thông qua các chủ trương: Giải quyết chính sách xã hội là nhiệm vụ gắn bó hữu cơ với đổi mới kinh tế; vấn đề lao động, việc làm được giải quyết gắn với phát triển nhiều thành phần kinh tế; nâng cao đời sống của nhân dân gắn với thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Đại hội Đảng lần thứ VI (6-1991) và Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khoá VII (1-1994) chủ trương tăng cường xây dựng các luật nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, vừa khuyến khích đầu tư phát triển, vừa hạn chế bất công xã hội. Từng bước nhận thức rõ hơn về nhiều hình thức phân phối, bên cạnh phân phối theo lao động, còn có chính thức phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh đào tạo tay nghề, mở rộng hệ thống dịch vụ tư vấn lao động; có chính sách ưu đãi hợp lý về nhiều mặt để tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên làm đủ sống và trở thành khá giả. Khuyến khích làm giàu chính đáng đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo. Có chính sách ưu đãi hợp ý về tín dụng, về thuế, đào tạo nghề nghiệp để tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên.

2. Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Trong từng bước và từng chính sách phát triển (của chính phủ hay của ngành, của trung ương hay địa phương), cần đặt rõ và xử lý hợp lý việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Nhiệm vụ gắn kết này không dừng lại như một khẩu hiệu, một lời khuyến nghị mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành. Các cơ quan, các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển sạch, phát triển hài hòa, không chạy theo số lượng tăng trưởng bằng mọi giá. Nâng cao trách nhiệm của toàn xã hội trong vấn đề giải quyết bất công xã hội. “Có chính sách điều tiết hợp lý đối với những người giàu; động viên các doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo, ái hữu, từ thiện, giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những người bị thiên tai, những người tàn tật, già cả, neo đơn, không có khả năng lao động”. Thực tế cho thấy, chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội được đề ra ở Đại hội VII và các hội nghị Trung ương Đảng Khóa VII, một mặt, tiếp tục khẳng định mục tiêu của chính sách xã hội là thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế và đều phục vụ mục tiêu phát triển con người, phát triển xã hội; coi phát triển kinh tế là cơ sở để thực hiện các chính sách xã hội và việc thực hiện tốt các chính sách xã hội chính là động lực phát triển kinh tế, đó là những nhân tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Mặt khác, thể hiện sự đổi mới tư duy của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề xã hội phát sinh từ việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế mới, như: xác lập nguyên tắc chi trả tiền lương, tiền công theo kết quả lao động là chủ yếu; xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội chung của người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế; xác định giải quyết việc làm là trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp, mọi thành phần kinh tế Từ thực tế triển khai thực hiện chính sách xã hội, Đại hội VIII của Đảng (6/1996) đã tổng kết thành các quan điểm định hướng xây dựng và phát triển xã hội như: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình; Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo; Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, nhân hậu, thuỷ chung; Các vấn đề xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội , cũng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội Các quan điểm cơ bản nêu trên đã định hình tổng thể tư duy lý luận của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới. Nó vừa thích ứng với nhu cầu tạo động lực cho sự phát triển bền vững, vừa hướng tới giá trị công bằng và tiến bộ xã hội

3. Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

Chính sách xã hội có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng không thể dựa vào viện trợ như thời bao cấp. Trong chính sách xã hội phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đó là một yêu cầu của công bằng xã hội và tiến hóa xã hội; xóa bỏ quan điểm bao cấp, cào bằng, chấm dứt cơ chế xin-cho trong chính sách xã hội. Đảng ta luôn nhấn mạnh phát triển kinh tế phải đi liền với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa lại càng đòi hỏi phải giải quyết tốt những vấn đề xã hội, bởi lẽ phát triển kinh tế phải là sự phát triển bền vững dựa trên những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá,v.v. Trong phát triển bền vững, yếu tố kinh tế và yếu tố xã hội quyện vào nhau, hoà nhập vào nhau. Mục tiêu phát triển kinh tế phải bao gồm cả mục tiêu giải quyết những vấn đề xã hội như vấn đề việc làm, xoá đói giảm nghèo,v.v thoả mãn nhu cầu cơ bản của nhân dân, công bằng xã hội. Ngược lại, mục tiêu phát triển xã hội cũng nhằm tạo động lực phát triển kinh tế. Trên cơ sở nhận thức mới về vai trò của các vấn đề xã hội, mở đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã chỉ rõ “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế”. Đến Đại hội VII (1991), sau khi xác định được những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, Đảng ta đã nêu lên định hướng lớn “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát triển mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng xã hội chủ nghĩa”. Trên cơ sở định hướng ấy, Đảng ta đã chính thức khẳng định một số quan điểm chỉ đạo việc kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Cụ thể là: Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của yếu tố con người và vì con người. Kết hợp hài hoà giữa kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Tiếp tục kế thừa và phát triển những quan điểm được xác định từ Đại hội XIII, Đại hội X khẳng định, cần phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách phát triển. Một vấn đề có tính quy luật là chỉ có trên cơ sở phát triển kinh tế mới có điều kiện để làm tốt chính sách xã hội. Như vậy, yêu cầu này nhằm nhấn mạnh phải tập trung phát triển kinh tế, một nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, thực hiện tốt chính sách xã hội, không chỉ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế mà còn thúc đẩy kinh tế phát triển. Sự gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ là vấn đề có tính nguyên tắc trong xã hội. Chủ nghĩa xã hội mà ta đang xây dựng là do nhân dân thực hiện. Nhà nước chỉ tạo điều kiện và môi trường để nhân dân bằng lao động của mình không ngừng nâng cao đời sống cho mình và tham gia vào sự phát triển của xã hội. Gắn nghĩa vụ với quyền lợi cống hiến với hưởng thụ là bảo đảm sự công bằng trong đời sống xã hội, chống ỷ lại, trông chờ, thụ động.

4. Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người HDI và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Chỉ số phát triển con người (HDI) là chỉ số so sánh, định lượng về mức thu nhập, tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ và một số nhân tố khác của các quốc gia trên thế giới. Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì một xã hội công bằng dân chủ văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng. Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI). Từ điểm xuất phát thấp, trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chúng ta phải rất quan tâm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, rút ngắn khoảng cách giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, coi trọng chỉ tiêu tăng trưởng GDP là rất cần thiết. Mặt khác, mục tiêu phát triển kinh tế là để phục vụ con người, để con người phát triển toàn diện. Chỉ tiêu HDI liên quan trực tiếp đến các mức độ đáp ứng các nhu cầu xã hội của con người đến chất lượng cuộc sống. Tăng trưởng GDP là cơ sở để thực hiện chiến lược con người và các chính sách xã hội. Vì vậy, Đại hội X xác định yêu cầu coi trọng chỉ tiêu GDP phải gắn liền với chỉ tiêu con người HDI trong suốt quá trình phát triển và trong từng chính sách kinh tế- xã hội.

+ Chủ trương giải quyết các vẫn đề xã hội:

1. Một là, về vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động.

Ở Việt Nam hiện nay, gần 100 ngàn doanh nghiệp bị phá sản, đóng cửa, kéo theo là gần 1 triệu người lao động bị thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp chung của lực lượng lao động Việt nam là 2,17% (tương đương 984.000 người) và tỷ lệ thiếu việc làm là 2,98% (tương đương 1,36 triệu người). Ngoài thất nghiệp chính thức (gần 1 triệu, như đã nêu), còn rất nhiều người bị thất nghiệp trá hình do không làm hết thời gian làm việc hoặc làm việc cầm chừng cho hết ngày, nhất là ở khu vực nông thôn (không sử dụng hết thời gian lao động). Cũng theo số liệu thống kê nêu trên, trong số những người thất nghiệp, số người từ 15-24 tuổi chiếm tới 46,8% đang cao gấp 3 lần tỉ lệ thất nghiệp trong nước nói chung. Bên cạnh vấn đề trên còn có vấn đề về xuất khẩu lao động, những năm trước đây lực lượng lao động Việt Nam xuất khẩu sang các nước Đông Bắc Á được đánh giá là nguồn lực hấp dẫn, nhưng vào cuối năm 2013 thì đánh giá của các doanh nghiệp Hàn Quốc là nguồn lao động Việt Nam có sức hấp dẫn thấp nhất các nước Đông Nam Á, theo số lượng lao động đưa đi của các doanh nghiệp nhìn chung còn thấp so với yêu cầu. Một số doanh nghiệp đã không tích cực đầu tư, thiếu chủ động trong tìm kiếm, khai thác thị trường để ký kết hợp đồng cung ứng lao động. Chất lượng đội ngũ lao động xuất khẩu của các doanh nghiệp vẫn còn thấp so với đòi hỏi của thị trường, nhất là ngoại ngữ, tay nghề chưa đáp ứng được nhu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại chủ yếu là xuất khẩu lao động phổ thông; một số loại lao động kỹ thuật nước ngoài có nhu cầu nhưng ta chưa có đủ để đáp ứng. Nhiều trường hợp người lao động tự bỏ hợp đồng trốn ra ngoài sống bất hợp pháp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín lao động ta và thị trường lao động của Việt Nam. Tình trạng lao động phải về nước trước hạn cũng xảy ra phố biến, dẫn đến việc doanh nghiệp mất nguồn thu phí dịch vụ, phát sinh tăng chi phí để giải quyết các vấn đề phát sinh và làm giảm đáng kể hiệu quả của dịch vụ xuất khẩu lao động của doanh nghiệp. Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lao động truyền thống của Việt Nam trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, do tình trạng lao động hết hạn hợp đồng không về nước, bỏ trốn, cư trú và làm việc bất hợp pháp tại Hàn Quốc ở mức cao (trên 50%), nên từ tháng 8/2012 đến nay, Hàn Quốc đã tạm dừng tiếp nhận hồ sơ lao động Việt Nam mới. Một chính sách hỗ trợ việc làm nữa cho người lao động được nêu trong dự thảo luật Việc làm là chính sách tín dụng ưu đãi. Nhà nước thực hiện chính sách này nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác. Tổng nguồn vốn của Quỹ quốc gia về việc làm đạt 5.770 tỷ đồng, trong đó quỹ quốc gia về việc làm trung ương đạt 4.333 tỷ đồng, địa phương là 1.437 tỷ đồng. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho rằng, mặc dù quỹ quốc gia về việc làm có mục đích trực tiếp hỗ trợ, duy trì và tạo việc làm cho người lao động, người sử dụng lao động song còn một số nguồn vốn tín dụng khác liên quan đến việc làm nhưng không giải quyết vấn đề thất nghiệp.

2. Hai là, trong vấn đề bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo, đảm bảo cung ứng dịch vụ thiết yếu, chăm sóc tốt sức khỏe cộng đồng.

Trên toàn quốc năm 2012 có 2.149.110 hộ nghèo, chiếm 9,6%, có 1.469.727 hộ cận nghèo, chiếm 6,57%. Vấn đề xóa đói giảm nghèo vẫn luôn được nhà nước quan tâm. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo là chính sách xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở chiến lược đó, các địa phương đã triển khai thực hiện tốt, tạo nên bức tranh giảm nghèo đáng khích lệ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh qua các năm, bình quân 2%/năm, các huyện miền núi khó khăn thì khoảng 4%/năm. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường, đời sống người dân không ngừng được cải thiện. Hiện nay dù kinh tế khó khăn, nhiều chính sách phải cắt giảm, nhưng riêng nguồn lực cho giảm nghèo không giảm mà còn tăng. Khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước phấn đấu giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, phấn đấu đạt được mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo là chính sách xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở chiến lược đó, các địa phương đã triển khai thực hiện tốt, tạo nên bức tranh giảm nghèo đáng khích lệ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh qua các năm, bình quân 2%/năm, các huyện miền núi khó khăn thì khoảng 4%/năm. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường, đời sống người dân không ngừng được cải thiện. Vấn đề đảm bảo công bằng chăm sóc tốt sức khỏe cộng đồng trong đó bảo hiểm y tế là trụ cột của an sinh xã hội. Cán bộ MTTQVN một số xã ở Hà Tĩnh ăn chặn tiền chính sách của người nghèo, rồi chuyện một hiệu trưởng ở miền núi vừa bị khởi tố vì ăn chặn tiền hỗ trợ của các em học sinh dân tộc thiểu số, đến các liều văcxin tiêm cho một cháu nhưng đã bị chia ra tiêm cho hai cháu ngay tại Hà Nội, v.v. Phó chủ tịch Quốc hội Huỳnh Ngọc Sơn: “Tôi đi tiếp xúc cử tri, các bác về hưu nói rằng đi khám chữa bệnh bằng BHYT mà không có tiền là rất mệt, y bác sĩ chích thuốc vào người cũng đau hơn. Thuốc kê cho người bệnh dùng thẻ BHYT cũng không nhiều Tôi đề nghị làm rõ chuyện này có hay không, y đức trong khám chữa bệnh BHYT là thế nào?” Trước những vấn đề bức xúc trong khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thị Kim Tiến đã trả lời những trủ trương chính sách đã thực hiện và sẽ thực hiện trong thời gian ngắn nhất để khắc phục tình trang trên: Thời gian qua Chính phủ đã hỗ trợ xây dựng các bệnh viện mới ở tuyến huyện và các bệnh viện tuyến tỉnh ở vùng khó khăn được tăng thêm số giường bệnh. Đối với tuyến Trung ương, bằng nguồn đầu tư và phát triển, Bộ Y tế cũng đã mở rộng Bệnh viện K Tân Triều cơ sở 3, Bệnh viện Nội tiết cơ sở mới, xây thêm tòa nhà ung bướu Bệnh viện Chợ Rẫy, xây thêm toàn nhà mới của Bệnh viện Da liễu, đồng thời sẽ xây thêm toà nhà mới của Bệnh viện Lão khoa, mở mang mới thêm các khoa khám bệnh, buồng bệnh trong các bệnh viện. Gần đây nhất, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định chi khoảng 20 ngàn tỷ đồng để xây mới cơ sở 2 của các bệnh viện ở tuyến cuối cho 5 chuyên khoa quá tải tại Hà Nội và TP HCM, xây các bệnh viện qui mô khoảng 1.000 giường trở lên. Muốn làm được những việc này cũng không dưới 3 năm. Giải pháp thứ hai là giải pháp căn cơ, cơ bản lâu dài và đã triển khai, đó là xây dựng mạng lưới bệnh viện vệ tinh của 5 chuyên khoa quá tải. Bệnh viện vệ tinh chính là các bệnh viện tuyến tỉnh mà Bộ Y tế sẽ chỉ đạo các bệnh viện tuyến cuối chuyển giao kỹ thuật cao cho tuyến dưới và tuyến tỉnh sẽ tự thực hiện những kỹ thuật đó mà không cần chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.

3. Hệ thống y tế và sức khỏe mặc dù đã bị xã hội lên án cũng như nhà nước cấm đoán nhưng hiện nay vẫn tồn tại hình thức chữa bệnh bằng cúng thần thánh.

Theo báo dân trí, Ở xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, có một “lang y” mà theo người dân ở đây “nức tiếng” điều trị bách bệnh trong khi phương pháp “chữa trị” lại chỉ đơn giản bằng cách niệm thần chú và phun nước lã vào người bệnh hoặc gia súc bị bệnh. Bên cạnh đó còn có hàng loạt các vụ việc khác liên quan đến y tế như vụ việc tại thẩm mĩ viện Cát Tường cuối năm 2013, hay là vụ việc 3 em bé bị chết sau khi được tiêm Vắcxin ở Quảng Trị. Bên cạnh những vụ việc đáng nhắc trên thì mạng lưới y tế vẫn còn nhiều bất cập, yếu kém, chưa thích ứng với sự phát triển của xã hội và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Tổ chức mạng lưới y tế cơ sở trong thời gian qua không ổn định, bộc lộ nhiều bất cập. Cơ sở vật chất y tế tuyến cơ sở xuống cấp, trang thiết bị y tế thiếu, lạc hậu, không đồng bộ, gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế. Người dân chưa tin tưởng vào chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở nên vượt tuyến, gây quá tải ở bệnh viện tuyến trên đang là một thực trạng đáng báo động. Hiện tượng các bác sĩ nhận phong bì của bệnh nhân vẫn còn diễn ra nhiều ở các bệnh viện và tạo nhiều bức xúc cho dân chúng, thậm chí ở một chương trình cuối năm còn có câu châm biếm: “người nghèo thì đừng có ốm”. Bên cạnh những vấn đề bức xúc đó của y tế, Đảng đã có chỉ đạo ngành Y tế có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan xây dựng chuẩn quốc gia về y tế cơ sở; nâng cao năng lực chuyên môn và y đức của các cán bộ y tế; coi trọng phát huy và phát triển y-dược học cổ truyền; tăng cường các hoạt động giám sát và hỗ trợ kỹ thuật của y tế tuyến trên đối với tuyến cơ sở, bảo đảm cho trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã, phường có đủ khả năng phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh theo tuyến kỹ thuật, góp phần giảm tình trạng quá tải của các bệnh viện tuyến trên; phát huy khả năng của y tế các lực lượng vũ trang trong việc kết hợp quân-dân y để chăm sóc sức khoẻ nhân dân ở cơ sở, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; tổ chức tốt việc quản lý và phát huy vai trò của lực lượng y tế ngoài công lập. Chính phủ Việt Nam đã chủ trương xã hội hóa y tế, theo đó bên cạnh nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, còn huy động nguồn lực của xã hội, bao gồm các cá nhân, gia đình, cộng đồng và các tổ chức xã hội phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe. Đồng thời có chính sách hỗ trợ 70% mệnh giá bảo hiểm y tế cho các đối tượng cận nghèo; các đối tượng này chỉ phải đóng góp 30% mệnh giá còn lại, qua đó giúp giảm gánh nặng về kinh tế, tạo điều kiện cho đông đảo người dân được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

4. Về vấn đề nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.

Những vấn đề bức xúc như gánh nặng bệnh tật kép, về tỷ số giới tính khi sinh, về an toàn vệ sinh thực phẩm, về môi trường cũng như về thể lực của người Việt Nam, tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi vẫn còn ở mức cao, gia tăng thừa cân-béo phì ở trẻ em lứa tuổi học đường cùng với một số bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng. Mất cân bằng giới tính khi sinh hiện đang là thách thức của công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình nói riêng và công tác y tế nói chung. Mất cân bằng giới tính khi sinh dẫn đến nhiều hệ lụy ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân, gia đình, giống nòi, đến sự phát triển bền vững của đất nước, dân tộc. Việt Nam là một trong 13 quốc gia đang đối mặt với vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh và tình trạng này đang ở mức đáng báo động. Theo kết quả điều tra dân số ngày 1/4/2012, tỷ số giới tính khi sinh của nước ta là 112,3 bé trai/100 bé gái. Chúng ta cần có sự can thiệp tích cực nhằm điều chỉnh sự mất cân bằng này. Bên cạnh đó, tỷ lệ phá thai còn cao, bao gồm cả phá thai ở VTN và thanh niên. Tình trạng quan hệ tình dục không an toàn, mang thai ngoài ý muốn và phá thai, mắc các bệnh nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục ở VTN và thanh niên có xu hướng tăng. Về vấn đề ngộ độc thực phẩm, thống kê từ tháng 1 đến ngày 9/12/2013, toàn quốc ghi nhận 160 vụ ngộ độc thực phẩm với 5.238 người mắc, 4.700 người đi viện, 28 trường hợp tử vong. Số vụ ngộ độc thực phẩm trên 30 người mắc là 37 vụ (4.000 người mắc, 3.648 người đi viện, không ghi nhận trường hợp tử vong), gần đây dư luận còn bức xúc với vụ việc nấm Lưu Thiên Hương không rõ nguồn gốc mà vẫn có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm do Sở Y tế Lạng Sơn cấp nhưng thực chất chỉ được gom về cơ sở ở Lạng Sơn, sau đó đưa về Gia Lâm đóng gói, dán mác Lưu Mai Hương và phân phối tại siêu thị. Sau khi dự thảo các văn kiện trình đại hội XI của Đảng được công bố rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp toàn dân, Hội giáo dục chăm sóc sức khoẻ cộng đồng Việt Nam đã nghiên cứu tìm hiểu kỹ nội dung các văn kiện. Với lĩnh vực hoạt động của mình, một số ý kiến bổ sung vào nội dung các văn kiện như sau: Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ, nâng cao chất lượng nòi giống là vấn đề mang tính chiến lược, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, là sự nghiệp hôm nay và cả muôn đời sau; Vì vậy cần được thể hiện tập trung và rõ nét hơn trong nội dung các văn kiện.

5. Năm là, các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Về quy mô dân số: Chúng ta khá yên tâm khi thực hiện Chiến lược Dân số-Sức khỏe sinh sản đến năm 2015, với chỉ tiêu dưới 93 triệu người vào năm 2015. Hiện nay nước ta có gần 88 triệu người; số tăng bình quân 900 ngàn người/năm; như vậy đến 2015, dân số Việt Nam dự báo sẽ dưới 92 triệu người, đạt chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, mỗi tỉnh có tổng tỷ suất sinh (TFR) khác nhau, Cho nên, trong khi mức giảm tỷ lệ sinh chung toàn quốc là 0,1‰, thì việc giao chỉ tiêu giảm sinh có khác nhau giữa các tỉnh. Sự khác biệt giữa về việc giao chỉ tiêu giảm sinh giữa những tỉnh thấp và cao cách biệt lên đến gấp 50-70 lần. Có những tỉnh tại khu vực có tổng tỷ suất sinh rất thấp như miền Tây Nam bộ, trong đó có tỉnh Tiền Giang, chỉ tiêu giảm sinh trong năm 2013 là 0,05‰, là chỉ tiêu giảm rất ít, tức chỉ mang tính tượng trưng mà thôi. Chủ trương của Đảng : Xây dựng và thực hiện tốt các chính sách, chế độ sau đây: chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Hiện nay chúng ta vẫn thực hiện ba giải pháp chủ yếu để làm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh là: (1) tăng cường tuyên truyền giáo dục cho người dân việc sinh con trai hay gái đều tốt, bỏ quan niệm “nam trọng, nữ khinh”; (2) có chính sách, chế độ với các gia đình sinh con một bề; (3) tăng cường thực thi pháp luật thông qua việc thanh kiểm tra và xử phạt các cơ sở công bố giới tính thai nhi. Ngoài ra, về cơ cấu dân số hiện nay, nước ta phải làm sao để phát huy lợi thế dân số vàng trong một khoảng thòi gian ngắn để phát triển kinh tế trước khi bước vào giai đoạn già hóa dân số dự kiến khoảng 10 đến 15 năm nữ. Ngoài ra, về nâng cao chất lượng dân số, các tỉnh miền núi còn phải quan tâm giải quyết vấn đề tảo hôn khá phổ biến như hiện nay. Chủ trương của Đảng: Công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình là mảng công tác khó khăn, phức tạp, tế nhị, lâu dài nhưng tác động trực tiếp đến chất lượng cuộc sống mỗi người thông qua các chính sách của nhà nước cũng như tình hình ổn định xã hội nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế. Vì vậy, tất cả mọi người hãy cùng quan tâm phối hợp thực hiện tốt công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình để cùng góp phần bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người dân, hoàn thành mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Biện pháp nâng cao chất lượng dân số gồm: Bảo đảm quyền cơ bản của con người; quyền phát triển đầy đủ, bình đẳng về thể chất, trí tuệ, tinh thần; hỗ trợ nâng cao những chỉ số cơ bản về chiều cao, cân nặng, sức bền; tăng tuổi thọ bình quân; nâng cao trình độ học vấn và tăng thu nhập bình quân đầu người. Tuyên truyền, tư vấn và giúp đỡ nhân dân hiểu và chủ động, tự nguyện thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dân số. Đa dạng hóa các loại hình cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng, đặc biệt về giáo dục, y tế để cải thiện chất lượng sống và nâng cao chất lượng dân số. Thực hiện chính sách và biện pháp hỗ trợ đối với vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn để nâng cao chất lượng dân số. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên và người cao tuổi. Nâng cao năng lực, hướng dẫn tổ chức, phát động các phong trào rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh và cải thiện môi trường sống tại cộng đồng.

6. Sáu là, các chính sách ưu đãi xã hội.

Đáng nhắc tới nhất trong vấn đề này là việc hưởng ưu đãi thương binh, bệnh binh và bà mẹ anh hùng. Theo thời sự ngày 7/3/2014 vừa qua có nhắc đến việc những người dùng quan hệ cũng như mánh khóe để làm hồ sơ thương binh giả, còn những thương, bệnh binh thật thì do chưa có người làm chứng nên đã không được hưởng chế độ từ lâu. Thanh tra Bộ LĐ-TB-XH đã tiến hành thanh tra ở 37 tỉnh, thành phố với 4.623 hồ sơ được thanh tra, qua đó đã phát hiện 590 hồ sơ có sai phạm, trong đó có 372 hồ sơ phải cắt và thu hồi trợ cấp về ngân sách Nhà nước. Thanh tra Sở Lao động- Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố cũng đã tiến hành 1.491 cuộc thanh tra về chính sách ưu đãi người có công, phát hiện 1.295 đối tượng hưởng sai chính sách với tổng số tiền thu hồi cho ngân sách là trên 5 tỷ đồng; đồng thời kiến nghị xử lý kỷ luật 134 cán bộ có sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong việc lập và xác nhận hồ sơ. Trước thực tế này, Bộ cùng với các Bộ, ngành liên quan đã ban hành những văn bản hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục lập hồ sơ đối với những trường hợp không còn giấy tờ gốc nhằm bảo đảm quyền lợi cho người có công. Xác nhận người có công phải căn cứ vào hồ sơ được thiết lập trên cơ sở các giấy tờ gốc, lý lịch gốc. Đối với hồ sơ của đối tượng là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh cần phải có giấy chứng nhận bị thương do cấp có thẩm quyền cấp. Căn cứ để cấp giấy chứng nhận bị thương là các giấy tờ: giấy ra viện sau khi điều trị vết thương hoặc một trong các giấy tờ theo quy định. Trong nỗ lực thực thi cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, dễ hiểu, dễ thực hiện nhưng phải đảm bảo tính chính xác trong việc xác nhận người có công với cách mạng, kiên quyết đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực trong việc lập hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi người có công đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp sau: Tiếp tục hoàn thiện chính sách để khắc phục các hạn chế, ngăn ngừa đối tượng lợi dụng chính sách để gian lận hưởng chế độ; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện và xử lý những trường hợp hưởng chế độ không đúng quy định của Đảng và Nhà nước; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan pháp luật, kiên quyết đưa ra khởi tố đối với các vụ vi phạm nghiêm trọng chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Chủ trương của Đảng: Theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/7/2012, đã có nhiều đổi mới về điều kiện tiêu chuẩn xác nhận người có công, chế độ ưu đãi và tổ chức, hoạt động quản lý Nhà nước về ưu đãi xã hội. Trước hết, về điều kiện, tiêu chuẩn xác nhận người có công với cách mạng được mở rộng, phù hợp với thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Việc xem xét xác nhận liệt sĩ, trong những trường hợp như mất tin, mất tích trong thời kỳ cách mạng trước đây và hiện nay; bị chết trong khi làm nhiệm vụ tìm kiếm hài cốt liệt sĩ, trong thời gian làm nhiệm vụ ở biển, đảo, ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị chết trong khi trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu hoặc diễn tập phục vụ quốc phòng an ninh có tính chất nguy hiểm đã đạt được kết quả tích cực. Đặc biệt, chế độ ưu đãi, cơ chế thực thi ưu đãi có sự đổi mới căn bản. Chẳng hạn, thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp hằng tháng theo định suất tuất. Thân nhân (của thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 61% trở lên bị chết) hưởng tuất khi nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi, trường hợp chưa hội đủ điều kiện tuổi đời sẽ hưởng chế độ khi đủ tuổi. Tương tự như vậy, thân nhân của người có công nếu không thuộc diện mua bảo hiểm y tế bắt buộc thì được Nhà nước dành chế độ ưu đãi về bảo hiểm y tế. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chuyển sang hưởng trợ cấp theo mức 4 với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên. Chế độ trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân người có công cũng theo cơ chế mới, dành cho người cô đơn không nơi nương tựa. Đáng chú ý là chế độ trợ cấp hằng tháng cho người hoạt động cách mạng bị địch bắt tù, đày; chế độ phục vụ bà mẹ Việt Nam anh hùng; phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên sống ở gia đình được áp dụng từ ngày 1/9/2012. Hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở, phấn đấu đến hết năm 2013 sẽ hoàn thiện việc hỗ trợ cho đối tượng người có công khó khăn về nhà ở. Riêng chế độ trợ cấp ưu đãi hằng tháng của gần 1,5 triệu người có công tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Ngoài ra, về tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước về ưu đãi xã hội cũng có sự phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan chức năng. Bằng nguồn ngân sách Nhà nước, có 71.000 hộ gia đình chính sách gặp khó khăn về nhà ở được hỗ trợ cải thiện nhà ở, căn bản không còn hộ chính sách gặp khó khăn về nhà ở. Đến nay, 95% hộ gia đình chính sách có mức bằng và cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn cư trú. Tuy nhiên, mức trợ cấp ưu đãi người có công hiện vẫn còn thấp, đời sống của một bộ phận người có công vẫn còn rất khó khăn, nhất là người có công cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai. Theo lộ trình cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, mức trợ cấp nhìn chung còn thấp; chế độ ưu đãi về y tế, giáo dục, việc làm, thuế, tài chính chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế mức sống của hộ gia đình chính sách. Những giải pháp trọng tâm để đổi mới, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội: Thứ nhất, thống nhất và từng bước nâng cao mức độ an sinh xã hội trong toàn xã hội. Nhanh chóng thống nhất các chế độ bảo hiểm xã hội khác nhau dành cho đối tượng khác nhau, như cán bộ công chức, viên chức và người lao động ngoài nhà nước, lao động nông thôn thành một chế độ chung, nhằm xóa bỏ sự khác biệt giữa các khu vực, các đối tượng thụ hưởng bảo hiểm. Để thực hiện mục tiêu này, cần giải quyết hai vấn đề chủ yếu sau: (1) Chính quyền các cấp phải chủ động điều chỉnh thích hợp về lợi ích để hướng tới hình thành chế độ an sinh xã hội thống nhất trong phạm vi cả nước; (2) Sau khi thực hiện chế độ an sinh xã hội thống nhất, phải bảo đảm mức thụ hưởng an sinh xã hội vốn khá cao ở khu vực nhà nước không bị cắt giảm. Thứ hai, ưu tiên phát triển sự nghiệp an sinh xã hội nông thôn và cho người lao động ngoài khu vực nhà nước. Về xây dựng chế độ, hệ thống an sinh xã hội nông thôn và cho người lao động ngoài doanh nghiệp nhà nước gồm ba nội dung chủ yếu: một là, chế độ bảo hiểm xã hội cộng đồng nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu, bảo đảm đời sống cơ bản của người có thu nhập thấp; hai là, chế độ y tế cộng đồng, nhằm giải quyết vấn đề khám, chữa bệnh; ba là, chế độ bảo hiểm hưu trí, nhằm bảo đảm cuộc sống cho người cao tuổi. Hiện nay, chế độ bảo đảm mức sống tối thiểu đã được xây dựng, bước tiếp theo là mở rộng diện bao phủ, đáp ứng yêu cầu của đa số nhân dân. Đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa mức bảo đảm đời sống tối thiểu ở thành thị và nông thôn, giữa người lao động trong khu vực nhà nước và người lao động ở khu vực ngoài nhà nước. Thứ ba, xây dựng hệ thống bảo hiểm hưu trí nhiều tầng và nhiều trụ cột Để ứng phó với tình trạng già hóa dân số toàn cầu, Báo cáo; Phòng chống nguy cơ già hoá: chính sách bảo vệ người cao tuổi và thúc đẩy tăng trưởng; của Ngân hàng Thế giới năm 2005 đã đề ra chế độ bảo đảm dưỡng lão nhiều tầng bậc. Việt Nam có thể tham khảo chế độ bảo đảm dưỡng lão này để xây dựng hệ thống an sinh xã hội nhiều tầng. Để chủ động ứng phó với tình trạng già hóa dân số, cùng với biện pháp nêu trên, có thể xem xét điều chỉnh tuổi nghỉ hưu và thời hạn đóng bảo hiểm. Cần thực hiện nghiêm tuổi nghỉ hưu để giảm số người nghỉ hưu trước tuổi, nâng tuổi nghỉ hưu đối với một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định. Thứ tư, cải cách đồng bộ, giải quyết các vấn đề bức xúc về y tế Sở dĩ vấn đề khám chữa bệnh khó và đắt tồn tại dai dằng, một phần là vì nhận thức chưa đầy đủ về tính đặc thù của dịch vụ y tế. Phương thức cải cách chế độ bảo hiểm y tế từ trước đến nay là đẩy bệnh viện ra thị trường, đẩy trách nhiệm huy động vốn của bảo hiểm cho cá nhân người tham gia bảo hiểm. Để tiến hành cải cách y tế thành công, cần nhận thức đúng bản chất, tính đặc biệt của dịch vụ y tế. Khác với các loại hàng hóa thông thường, dịch vụ y tế có ba đặc trưng: một là khó xác định được nhu cầu. Không ai có thể biết bao giờ bị ốm, mắc bệnh gì. Hai là thông tin không cân đối. Dịch vụ y tế là dịch vụ chuyên môn chuyên ngành, giữa bác sĩ và bệnh nhân thông tin không cân đối, giữa các bác sĩ cũng thường có ý kiến khác nhau đối với cách chữa bệnh. Ba là tính rủi ro lớn. Mỗi người chỉ sống một lần, quá trình sống không thể đảo ngược, khó có thể định giá sức khoẻ của con người. Do tính đặc thù như vậy của dịch vụ y tế, nên thị trường không thể phát huy vai trò như đối với các loại hàng hóa thông thường. Vì vậy, vai trò của Nhà nước trong quản lý giá cả, chất lượng dịch vụ, thuốc chữa bệnh, bảo đảm việc cung cấp dịch vụ y tế cho người dân là đặc biệt quan trọng. Giải pháp then chốt để giải quyết vấn đề khám chữa bệnh khó và đắt là thúc đẩy cải cách thể chế quản lý y tế, khôi phục tính công ích của các cơ sở khám, chữa bệnh, trọng điểm là cải cách mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh công. Điểm then chốt trong cải cách cơ sở khám, chữa bệnh công là bảo đảm tính công ích của bệnh viện, coi trọng kiểm soát giá cả và nâng cao chất lượng dịch vụ. Để khuyến khích bệnh viện và bác sĩ, chỉ dựa vào đạo đức nghề nghiệp là không đủ, mà còn phải xây dựng chế độ khuyến khích, bảo đảm bác sĩ có đãi ngộ tốt. Minh bạch hóa thu nhập của bác sĩ, phản ánh đúng giá trị của bác sĩ, đồng thời tăng cường giám sát quản lý, xử lý nghiêm những hành vi trái quy định. Thứ năm, tiếp tục thực hiện xóa đói, giảm nghèo bền vững Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách liên quan đến công tác xóa đói, giảm nghèo. Tăng cường giáo dục, tuyên truyền để người nghèo nâng cao nhận thức về hoàn cảnh và có quyết tâm thoát nghèo. Thường xuyên xây dựng, triển khai thực hiện các dự án và các chương trình hành động về công tác xóa đói, giảm nghèo. Các doanh nghiệp có chính sách dạy nghề và tạo việc làm ổn định cho người nghèo. Có cơ chế, biện pháp kiểm tra, giám sát bảo đảm mọi nguồn lực dành cho xóa đói, giảm nghèo được sử dụng đúng mục đích. Thứ sáu, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an sinh xã hội đối với sự phát triển bền vững đất nước. Ở đây, cần nâng cao nhận thức không chỉ của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, mà còn của các tổ chức chính trị-xã hội, của chủ sử dụng lao động và bản thân người lao động, các tầng lớp dân cư trong xã hội về vai trò, vị trí của an sinh xã hội. Để thực hiện giải pháp này, công tác giáo dục, đào tạo, các phương tiện truyền thông đại chúng có vai trò đặc biệt quan trọng. Thứ bảy, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về an sinh xã hội một cách đồng bộ, đồng thời quyết liệt đưa các văn bản pháp luật vào cuộc sống. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, bổ sung, sửa đổi, hệ thống hóa các văn bản pháp luật hiện có trên cơ sở kế thừa và phát triển chính sách bảo đảm an sinh xã hội hiện hành, xem xét điều kiện kinh tế-xã hội và tham khảo kinh nghiệm của các nước. Cần bảo đảm tính đồng bộ giữa các chế độ an sinh xã hội, tránh chồng chéo, mâu thuẫn, bảo đảm để mọi người dân đều có quyền hưởng an sinh xã hội. Tạo cơ chế để thực thi nghiêm chỉnh và có hiệu quả các chế độ, chính sách an sinh xã hội trên thực tế. Thứ tám, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, đặc biệt là của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với công tác bảo đảm an sinh xã hội. Hệ thống hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về an sinh xã hội, đề ra các quan điểm, chủ trương mới phù hợp với tình hình hiện nay. Nhà nước thực hiện pháp điển hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng bằng việc xây dựng hệ thống pháp luật, chương trình, kế hoạch thực hiện an sinh xã hội. Chính quyền cấp cơ sở, các chủ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện các văn bản pháp luật, các chương trình, kế hoạch an sinh xã hội. Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng, các tổ chức chính trị-xã hội, các thiết chế tự quản của nhân dân đối với việc thực hiện pháp luật, chương trình, kế hoạch an sinh xã hội.

7. Bảy là, cơ chế quản lí và phương thức cung ứng các dịch vụ công.

Dịch vụ công là những dịch vụ do Nhà nước chịu trách nhiệm, phục vụ các nhu cầu cơ bản, thiết yếu chung của người dân không vì mục tiêu lợi nhuận. Thực trạng dịch vụ công hiện nay gần đây đang nổi trội về vấn đề tham ô của công của Dương Chí Dũng do việc quản lí dịch vụ công là chưa hợp lí và sát sao, theo thời sự vào hồi cuối tháng 2. Nguồn lực vật chất để Nhà nước trực tiếp cung cấp các dịch vụ công rất hạn hẹp, đó là ngân sách, trong khi nhu cầu của xã hội không ngừng tăng lên. Chúng ta chỉ huy động chưa đến 20% GDP cho ngân sách nhà nước. So về cả tỷ lệ phần trăm lẫn số tuyệt đối dành cho khu vực dịch vụ công, nước ta thua xa các nước khác, “việc thực hiện chính sách xã hội hoá chưa được đẩy mạnh, chưa huy động được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường”. Có những lĩnh vực đã được xã hội hoá nhưng do nhận thức chưa đúng về xã hội hoá hoặc quản lý của Nhà nước còn hạn chế nên chất lượng chưa đáp ứng được mong đợi của người dân, như giáo dục, y tế, v.v Cung cách, thái độ phục vụ của người cung ứng dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ hành chính công vẫn còn bị phàn nàn. Chủ trương của Đảng: Đổi mới trong cơ chế quản lý dịch vụ công: Thời gian qua, Chính phủ đã từng bước đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ công. Do hoạt động của các đơn vị cung ứng dịch vụ công được chia thành ba loại tương ứng với ba loại dịch vụ công (dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích), nên cơ chế quản lý của mỗi loại hình đơn vị cung ứng dịch vụ công có những đặc thù riêng. Các cơ quan hành chính nhà nước cung ứng dịch vụ hành chính được đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong khuôn khổ kinh phí do NSNN cấp. Các đơn vị sự nghiệp công lập có cơ chế quản lý với mức độ tự chủ lớn hơn nếu tự bảo đảm được một phần hay toàn bộ chi phí thường xuyên. Các cơ sở cung ứng dịch vụ công ích hoạt động theo Luật doanh nghiệp, với nguồn kinh phí được cấp theo kế hoạch, đặt hàng hoặc đấu thầu từ NSNN. Nhìn chung, cơ chế quản lý mới đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ công đã trao quyền tự chủ cho các đơn vị này trên các mặt sau: Thứ nhất, đơn vị có quyền tự chủ lớn hơn trong việc xác định tổ chức bộ máy và nhân sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Đơn vị xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận trực thuộc; bố trí hợp lý lao động, phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức hoặc người lao động, trên cơ sở đó xác định số biên chế hợp lý, tinh giản những lao động dư thừa hoặc làm việc không có hiệu quả. Thứ hai, đơn vị được chủ động hơn trong quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Các đơn vị sự nghiệp được quyền liên doanh liên kết, hợp đồng cung cấp dịch vụ, v.v nhờ đó góp phần đa dạng hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ. Các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích, bên cạnh các hoạt động công ích theo kế hoạch, đặt hàng hoặc đấu thầu của Nhà nước, có quyền tổ chức hoạt động kinh doanh thêm phù hợp với khả năng của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường. Thứ ba, đơn vị được trao quyền lớn hơn trong quản lý tài chính, thủ trưởng đơn vị được quyết định các khoản thu và nhiệm vụ chi đối với phần kinh phí được giao tự chủ. Các đơn vị sự nghiệp, đơn vị công ích được quyền thu các khoản từ liên doanh, liên kết, cung ứng dịch vụ ngoài nhiệm vụ được nhà nước giao hoặc đặt hàng, nhờ đó đã khai thác được các nguồn thu để tăng khả năng cung ứng dịch vụ. Trong phần kinh phí được giao tự chủ, thủ trưởng đơn vị được quyết định chi vào các nội dung hoạt động theo thứ tự ưu tiên của đơn vị; được chuyển từ nội dung chi này sang nội dung chi khác cần thiết hơn; được quyết định các định mức chi tiêu trong khuôn khổ cho phép, trong đó các đơn vị sự nghiệp có thu và đơn vị hoạt động công ích được quyết định mức chi theo cơ chế thị trường. Thứ tư, với phần kinh phí dôi ra sau khi trang trải các chi phí hoạt động và trích lập các quỹ theo quy định, các đơn vị này được sử dụng để tăng thêm thu nhập cho người lao động. Mức tăng thu nhập này không giới hạn đối với các đơn vị tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên, còn đối với các đơn vị không có nguồn thu (được ngân sách bảo đảm toàn bộ chi phí) vẫn có thể tăng thu nhập từ kinh phí tiết kiệm được với mức cho phép là gấp 2 lần quỹ lương của đơn vị. Thứ năm, việc chi trả thu nhập cho người lao động được thực hiện dựa vào mức độ đóng góp của mỗi người, tổ chức đánh giá cán bộ, công chức và người lao động một cách công khai, chặt chẽ hơn và bước đầu đổi mới phương thức đánh giá dựa trên đóng góp thực tế của mỗi người. Những đổi mới nói trên đã tạo ra một sức sống mới cho các đơn vị cung ứng dịch vụ công, góp phần đa dạng hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ, mở rộng cung ứng cả về số lượng, địa bàn, số cơ sở cung ứng và nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của các tổ chức và cá nhân.

**Câu VIII.** Chữa bệnh ở Việt Nam và nước ngoài.

Trả lời:

+ Ra nước ngoài chữa bệnh, chi phí tốn kém hơn rất nhiều nhưng bù lại, dịch vụ y tế của họ tốt hơn và đặc biệt kết quả chữa bệnh rất tốt. Chưa yên tâm với kết quả khám, xét nghiệm thêm ở một vài bệnh viện có uy tín trong nước và quyết định sang Singapore phẫu thuật khối u. Phẫu thuật và điều trị bên Singapore bà được chăm sóc và tư vấn rất chu đáo, công tác chăm sóc hậu phẫu rất tuyệt vời, nhân viên y tế gần gũi với bệnh nhân chứ không bao giờ phải chứng kiến thái độ “mặt nặng mày nhẹ” như ở Việt Nam. Tốn kém hàng tỷ đồng, đặc biệt tốn kém truyền hóa chất, khoảng 300-400 triệu đồng. Mỗi lần đi phải có 2 người cùng đi gồm 1 phiên dịch viên và 1 người chăm sóc. Ngoài tiền máy bay, ăn ở thì tiền điều trị, thuốc men rất đắt đỏ. Nhưng bù lại dịch vụ của họ không chê vào đâu được, đặc biệt là công tác tư vấn. Chi phí điều trị bệnh cao gấp nhiều lần so với trong nước. Nhưng đổi lại, những bệnh nhân như anh được hưởng dịch vụ chất lượng cao, phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tận tình, chu đáo. Việc người Việt chi hàng tỷ USD để ra nước ngoài khám chữa bệnh, chủ yếu xuất phát từ tâm lý hướng ngoại, chứ không phải Việt Nam không có bác sĩ giỏi.

Những năm qua các nhóm bệnh người Việt thường ra nước ngoài chữa trị gồm nhóm người bệnh ung thư, tim mạch, cơ xương khớp, ghép gan, ghép thận, chấn thương thể thao, dịch vụ về sinh sản, v.v Ở nước ngoài, ghép gan, thận đắt hơn gấp đôi tổng chi phí tại Bệnh viện Việt Đức, trong khi đã được quỹ BHYT chi trả một phần.

Nhiều bệnh nhân không tin vào nền y học nước nhà, trong khi những năm gần đây, y học Việt Nam đã có nhiều tiến bộ đáng kể. Hiện tại các bệnh viện, cơ sở y tế lớn thường trong tình trạng quá tải, đặc biệt là ở tuyến Trung ương. Do vậy bệnh nhân thường phải chờ đợi lâu, thái độ nhân viên y tế và sự chăm sóc chưa chu đáo như các bệnh viện nước ngoài. Song nhìn tổng thể, hiện tại có một số ngành, lĩnh vực y tế của Việt Nam đã tạo được uy tín. Với chất lượng tốt, chi phí hợp lý, nhiều bệnh nhân nước ngoài, Việt kiều vẫn lựa chọn dịch vụ y tế trong nước.

Hiện nay, xu hướng người Việt ra nước ngoài tầm soát và điều trị ung thư ngày càng tăng do số lượng bệnh nhân ung thư điều trị ở các bệnh viện trong nước đông nên rõ ràng người bệnh không thể hưởng những điều kiện như ra nước ngoài. Tình trạng quá tải cũng khiến đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng tuy cố gắng nhưng “nhiều khi cũng không xuể”. Còn ở các bệnh viện nước ngoài, họ có số lượng người bệnh nhất định và lại là những người có điều kiện kinh tế cao.

Khả năng điều trị ung thư của các bệnh viện trong nước ngày một nâng cao có thể đáp ứng lòng tin của bà con.

Trong năm 2017, có khoảng 80.000 lượt khách nước ngoài đến Việt Nam chữa bệnh, doanh thu khoảng 2 tỷ USD, trong đó riêng TP HCM đón khoảng 30.000-40.000 lượt khách. Tuy nhiên khách du lịch y tế đến Việt Nam chủ yếu đến từ Lào, Campuchia, gần đây mới có thêm lượng khách là kiều bào từ các nước Mỹ, Australia, Canada về thăm gia đình kết hợp khám bệnh. Con số vẫn còn khiêm tốn so với các nước có nền du lịch phát triển như Singapore, Thái Lan, và phần lớn du khách đến khám chữa bệnh chỉ mang tính tự phát. Các dịch vụ du lịch y tế sẽ có xu hướng chuyển từ nước phát triển sang các nước đang phát triển như Việt Nam. Việt Nam không thiếu bác sĩ giỏi, nhiều kỹ thuật cao được ứng dụng đáp ứng nhu cầu điều trị trong khi chi phí thấp hơn nhiều nếu phải ra nước ngoài điều trị.

Vì thế, muốn giữ chân người Việt ở trong nước chữa bệnh, theo ông, phải cải thiện điều này. Hình thức của bệnh viện cũng phải khá hơn, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh đầu tư về con người, trang thiết bị y tế hiện đại. Nhiều quốc gia châu Á như Singapore, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc,v.v đang đẩy mạnh đầu tư, quảng bá, xúc tiến sản phẩm du lịch chữa bệnh. Việt Nam cũng có thể làm được, vấn đề là cần khiêm tốn, học hỏi các nước đi trước, sau đó, cái gì là đặc trưng, thế mạnh của Việt Nam thì phát triển. Bộ Y tế đang đặt mục tiêu thay đổi về phân bổ ngân sách và đầu tư để giữ chân những người bệnh giàu có ở lại điều trị trong nước, đồng thời thu hút nửa triệu người nước ngoài làm việc tại Việt Nam sử dụng dịch vụ y tế tại Việt Nam, thay vì di chuyển sang các nước trong khu vực hoặc về nước. Hiện tại vẫn có một số ngành, lĩnh vực y tế của Việt Nam tạo được uy tín. Với chất lượng tốt, chi phí hợp lý, nhiều bệnh nhân nước ngoài, Việt kiều vẫn lựa chọn dịch vụ y tế trong nước.

**Câu hỏi tham khảo:** Liên hệ với bản thân/Bản thân rút ra được điều gì từ việc nghiên cứu nội dung trên. Bám sát nhiệm vụ quan trọng nhất là học tập, tu dưỡng rèn luyện, ý thức tham gia các hoạt động cộng đồng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng, biết phê phán đấu tranh, quan điểm chưa đúng sự thật. Ví dụ:

(Câu VI) Nền kinh tế thị trường có tác động đến ngành Y.

(Câu VII) Trách nhiệm của sinh viên như thế nào để thực hiện thành công đường lối đối ngoại trong thời kì đổi mới.

+ Thanh niên đã và đang cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thanh niên Việt Nam ngày nay mang trên vai trọng trách lịch sử, đó là phải trở thành lực lượng lao động có trí tuệ và có tay nghề cao, có đạo đức và lối sống trong sáng, có sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần cường tráng để dần dần xóa bỏ ranh giới tụt hậu, sánh vai với thanh niên các nước trên thế giới.

Để đạt được những tiêu chí và các phẩm chất trên, đòi hỏi bản thân thanh niên phải tự học, tự rèn luyện, tự tu dưỡng, tự tin, tự chịu trách nhiệm để trở thành nguồn lao động chất lượng cao, trở thành người thừa kế trung thành sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Trước hết, thanh niên phải tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi đắp lý tưởng cách mạng trong sáng. Bối cảnh trong nước và quốc tế đang tác động một cách toàn diện lên tư tưởng, tình cảm, lối sống, nhu cầu của từng thanh niên. Do đó, thanh niên phải rèn luyện để có lập trường tư tưởng vững vàng, có lòng yêu nước, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng và lối sống lành mạnh; đấu tranh chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và các tiêu cực, tệ nạn xã hội, tham nhũng, v.v.

Trong thời kỳ phát triển kinh tế-xã hội trong nước và hội nhập quốc tế, thanh niên nước ta cần nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, khả năng thực tế, kỹ năng lao động để thích ứng với thị trường lao động trong nước và thị trường lao động quốc tế. Thanh niên phải tích cực tham gia xây dựng xã hội học tập với phương châm: Thanh niên nào cũng phải học; ở đâu, làm gì, thời gian nào cũng phải học.

Bên cạnh đó, thanh niên phải tích cực tham gia vào việc xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và môi trường sinh thái trong lành, sạch đẹp; tích cực tham gia phòng, chống ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu; xung kích, đi đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, v.v.

Để chủ động hội nhập, thanh niên cần chủ động tham gia vào quá trình hợp tác quốc tế, giải quyết các vấn đề toàn cầu; tham gia vào công tác ngoại giao nhân dân để nâng tầm ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; chủ động và tham gia có hiệu quả vào giải quyết các vấn đề toàn cầu...

Cách mạng nước ta đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Mục tiêu đó đã và đang đặt ra những yêu cầu, trọng trách lớn lao đối với thế hệ trẻ hôm nay.

+ Để tự tin hội nhập quốc tế, thanh niên cần phải trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết:

Một là, có nhận thức, tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng; nắm chắc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về đối ngoại nhân dân, về hội nhập quốc tế; cần tỉnh táo để phân biệt được mặt trái của quá trình hội nhập, chống âm mưu của các thế lực thù địch.

Hai là, cần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề; thường xuyên cập nhật, trau dồi tri thức mới; tiếp thu kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần cùng cả nước đi tắt, đón đầu trong phát triển kinh tế. Thanh niên không thể thụ động chờ đợi tương lai, càng không thể đi tới tương lai nếu không có tri thức, trình độ văn hóa, chuyên môn, khoa học kỹ thuật và tay nghề. Mỗi thanh niên trong giai đoạn hiện nay phải có chuyên môn sâu về một lĩnh vực cụ thể, tùy vào năng lực của từng người, đó là điều kiện cơ bản để thanh niên có thể tự tin trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật, của hội nhập kinh tế quốc tế với tính kỷ luật và cường độ lao động cao.

Ba là, thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ về ngoại ngữ, tin học, đó chính là hai nhân tố có vai trò rất lớn trong việc quyết định hội nhập. Nói cách khác: Ngoại ngữ và tin học là chìa khóa để thanh niên hội nhập quốc tế.

Bốn là, am hiểu, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; chủ động lựa chọn, tiếp thu và phát huy tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu thêm văn hóa dân tộc, nhận biết, ngăn chặn và đẩy lùi những tiêu cực của nền văn hóa bên ngoài; đồng thời đóng góp giá trị văn hóa dân tộc làm giàu văn hóa nhân loại.

Năm là, am hiểu pháp luật và trang bị những kiến thức, thông tin đúng đắn về hội nhập.

Sáu là, rèn luyện thể thao tăng cường thể lực, sức khỏe.

Bảy là, trang bị đầy đủ các kỹ năng mềm, không ngừng cải thiện kỹ năng viết, kỹ năng nói, kỹ năng làm việc theo nhóm; sáng tạo; kỹ năng thuyết trình; khả năng thích nghi với hoàn cảnh mới; kỹ năng tham gia các hoạt động quốc tế; thông thạo các kỹ năng xã hội… và phải lắng nghe. Muốn vậy, mỗi thanh niên cần không ngừng học hỏi, đọc sách báo về các nền văn hóa, tìm hiểu về lịch sử, tôn giáo, giá trị, phong tục của các địa phương, các quốc gia trên thế giới.

Tám là, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, phong trào giao lưu thanh niên quốc tế.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ và tin học, hiện nay, tại tất cả các trường đại học trong cả nước đều đưa hai môn này vào chương trình giảng dạy. Sinh viên là những người trẻ tuổi, có nền tảng tri thức tốt, năng động và sáng tạo, bên cạnh đó lại có điều kiện học tại các nhà trường với đội ngũ giảng viên trình độ cao, bởi vậy họ có lợi thế trong việc học ngoại ngữ, tin học. Đã có nhiều sinh viên học tập tốt, có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ, thậm chí có bạn thành thạo nhiều ngoại ngữ, kỹ năng tin học tốt. Khả năng sử dụng ngoại ngữ đã tạo cơ hội cho các bạn sinh viên tiếp cận với các tin tức, sách báo, tài liệu nước ngoài, giao tiếp được với người nước ngoài nhằm giao lưu, học hỏi văn hóa của các miền đất trên Thế giới và tiếp thu tri thức nhân loại. Tin học tốt giúp các sinh viên tìm kiếm thông tin nhanh chóng, hỗ trợ hiệu quả cho học tập và làm việc. Tuy nhiên cần phải nhấn mạnh rằng học ngoại ngữ không đơn thuần chỉ là biết từ vựng và lắp ghép theo quy tắc ngữ pháp mà mục đích của ngoại ngữ là hướng tới giao tiếp hiệu quả, nghĩa là người học ngoại ngữ đồng thời phải học hỏi văn hóa nước khác để có cách diễn đạt phù hợp. Việc học tin học cũng cần gắn với mục đích đúng đắn nhất định, đó là phục vụ học tập, làm việc, giao tiếp và giải trí lành mạnh, không sử dụng tin học làm công cụ để vi phạm pháp luật.

Không chỉ cần tri thức, kỹ năng mà mỗi sinh viên cần phải tự tin và bản lĩnh. Nước ta mới bước vào quá trình hội nhập còn gặp muôn vàn khó khăn như thuyền ra biển lớn, bởi vậy chỉ khi các bạn dám thể hiện khả năng của mình, dám đối đầu với thử thách, dám chấp nhận thất bại và không bỏ cuộc thì mới hội nhập tốt. Các bạn biết ngoại ngữ nhưng ngại giao tiếp, học hỏi, không biết nắm bắt cơ hội cho mình thì cũng không mang lại hiệu quả. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển, chỉ cần một thao tác nhỏ, các bạn đã có thể tiếp cận với một lượng thông tin khổng lồ, tuy nhiên các bạn cần có sự chọn lọc để không bị tác động bởi những thông tin xấu. Bên cạnh đó, cũng cần kiên quyết đấu tranh với những hành vi sai trái, những thông tin lệch lạc ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống dân cư và sự phát triển vững mạnh của đất nước.

+ Hòa nhập chứ không hòa tan.